

Văn kiện
Hiệp ước Luật Nhãn hiệu hàng hoá
(Thông qua tại Geneva ngày 27.10.1994)

Danh mục các điều

- | | |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------|
| <i>Điều 1</i> | <i>Thuật ngữ viết tắt</i> |
| <i>Điều 2</i> | <i>Các nhãn hiệu áp dụng Hiệp ước này</i> |
| <i>Điều 3</i> | <i>Đơn</i> |
| <i>Điều 4</i> | <i>Đại diện; Địa chỉ giao dịch</i> |
| <i>Điều 5</i> | <i>Ngày nộp đơn</i> |
| <i>Điều 6</i> | <i>Việc đăng ký cho các Hàng hóa và/hoặc Dịch vụ thuộc nhiều Nhóm</i> |
| <i>Điều 7</i> | <i>Tách Đơn và Đăng ký</i> |
| <i>Điều 8</i> | <i>Chữ ký</i> |
| <i>Điều 9</i> | <i>Phân loại Hàng hóa và/hoặc Dịch vụ</i> |
| <i>Điều 10</i> | <i>Thay đổi về Tên hoặc Địa chỉ</i> |
| <i>Điều 11</i> | <i>Thay đổi quyền sở hữu</i> |
| <i>Điều 12</i> | <i>Sửa chữa Lỗi</i> |
| <i>Điều 13</i> | <i>Thời hạn hiệu lực và gia hạn Đăng ký</i> |
| <i>Điều 14</i> | <i>ý kiến trong trường hợp dự định từ chối</i> |
| <i>Điều 15</i> | <i>Nghĩa vụ tuân thủ Công ước Paris</i> |
| <i>Điều 16</i> | <i>Nhãn hiệu dịch vụ</i> |
| <i>Điều 17</i> | <i>Quy chế</i> |
| <i>Điều 18</i> | <i>Sửa đổi; Nghị định thư</i> |
| <i>Điều 19</i> | <i>Trở thành thành viên của Hiệp ước</i> |
| <i>Điều 20</i> | <i>Ngày có hiệu lực của việc phê chuẩn hoặc tham gia</i> |
| <i>Điều 21</i> | <i>Bảo lưu</i> |
| <i>Điều 22</i> | <i>Các điều khoản chuyển tiếp</i> |
| <i>Điều 23</i> | <i>Tuyên bố bãi ước</i> |
| <i>Điều 24</i> | <i>Ngôn ngữ của Hiệp ước; Chữ ký</i> |
| <i>Điều 25</i> | <i>Lưu giữ</i> |

Điều 1

Thuật ngữ viết tắt

Với các mục đích của Hiệp ước này, trừ khi có tuyên bố khác một cách rõ ràng:

- (i) "Cơ quan" là cơ quan được một Bên ký kết giao trách nhiệm về việc đăng ký nhãn hiệu;
- (ii) "đăng ký" là đăng ký nhãn hiệu do một Cơ quan thực hiện;
- (iii) "đơn" là đơn đăng ký;
- (iv) sự đề cập đến một "người" phải được hiểu là sự đề cập đến cả thể nhân và pháp nhân;
- (v) "chủ sở hữu" là người được ghi nhận trong đăng bạ là chủ sở hữu đăng ký;
- (vi) "đăng bạ nhãn hiệu" là tập hợp các dữ liệu tại một Cơ quan, bao gồm nội dung và dữ liệu liên quan đến tất cả các nhãn hiệu được đăng ký bất kể dữ liệu đó được lưu trữ trên phương tiện nào;
- (vii) "Công ước Paris" là Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp, được ký tại Paris ngày 20 tháng 3 năm 1883, đã được sửa đổi, bổ sung;
- (viii) "Bảng Phân loại Nice" là bảng phân loại theo Thỏa ước Nice về Phân loại quốc tế về Hàng hóa và Dịch vụ nhằm mục đích Đăng ký Nhãn hiệu, được ký tại Nice ngày 15 tháng 6 năm 1957, đã được sửa đổi, bổ sung;
- (ix) "Bên ký kết" là bất kỳ Quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ nào là thành viên của Hiệp ước này;
- (x) Sự đề cập một "tài liệu phê chuẩn" phải được hiểu là sự đề cập cả tài liệu chấp nhận và chấp thuận;
- (xi) "Tổ chức" là Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới;
- (xii) "Tổng Giám đốc" là Tổng Giám đốc của Tổ chức;
- (xiii) "Quy chế" là Quy chế thuộc Hiệp ước này được đề cập đến tại Điều 17.

Điều 2

Các nhãn hiệu áp dụng Hiệp ước này

(1) [Bản chất của Nhãn hiệu]

(a) Hiệp ước này áp dụng đối với những nhãn hiệu cấu tạo bởi các ký hiệu nhìn thấy được, với điều kiện là chỉ có những Bên ký kết chấp nhận việc đăng ký nhãn hiệu ba chiều, mới bắt buộc phải áp dụng Hiệp ước này đối với các nhãn hiệu đó.

(b) Hiệp ước này không áp dụng đối với nhãn hiệu là ảnh chụp ba chiều (holography) và nhãn hiệu vô hình, cụ thể là nhãn hiệu âm thanh và nhãn hiệu mùi.

(2) [Các loại Nhãn hiệu]

(a) Hiệp ước này áp dụng đối với nhãn hiệu liên quan đến hàng hóa (nhãn hiệu hàng hóa) hoặc dịch vụ (nhãn hiệu dịch vụ) hoặc cả hàng hóa lẫn dịch vụ.

(b) Hiệp ước này không áp dụng đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu bảo đảm.

Điều 3

Đơn

(1) [Thông tin và Tài liệu trong Đơn hoặc kèm theo Đơn; Phí]

(a) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể yêu cầu rằng đơn phải có một số hoặc toàn bộ các thông tin hoặc tài liệu sau:

- (i) yêu cầu đăng ký;
- (ii) tên và địa chỉ của người nộp đơn;
- (iii) tên nước mà người nộp đơn là công dân nếu người đó là công dân của bất kỳ nước nào, tên nước mà người nộp đơn có nơi cư trú, nếu có, và tên nước mà người nộp đơn có cơ sở thương mại hoặc công nghiệp thực sự và hữu hiệu, nếu có;
- (iv) trường hợp người nộp đơn là một pháp nhân, bản chất pháp lý của pháp nhân và quốc gia và đơn vị lãnh thổ của quốc gia - nếu thích hợp - mà theo pháp luật ở đó pháp nhân đó được thành lập;
- (v) tên và địa chỉ của người đại diện nếu người nộp đơn có người đại diện;
- (vi) địa chỉ giao dịch nếu Điều 4(2)(b) quy định phải có địa chỉ đó;
- (vii) yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo một đơn nộp sớm hơn, nếu có, cùng với các thông tin và chứng cứ hỗ trợ cho yêu cầu hưởng quyền ưu tiên đó theo quy định phù hợp với Điều 4 Công ước Paris;
- (viii) yêu cầu hưởng bất kỳ sự bảo hộ nào trên cơ sở trưng bày hàng hoá/dịch vụ tại một triển lãm, nếu có, cùng với các thông tin hỗ trợ cho yêu cầu đó theo quy định pháp luật của Bên ký kết đó;
- (ix) yêu cầu đăng ký và công bố nhãn hiệu theo các ký tự chuẩn, nếu có, trong trường hợp Cơ quan của một Bên ký kết sử dụng các ký tự (chữ viết và chữ số) mà Cơ quan đó coi là chuẩn;
- (x) yêu cầu bảo hộ màu sắc như một đặc tính phân biệt của nhãn hiệu, nếu có, cùng với tên (các) màu sắc và các bộ phận chính của nhãn hiệu mang màu đó, đối với từng màu sắc;
- (xi) tuyên bố về nhãn hiệu ba chiều, nếu là nhãn hiệu ba chiều;
- (xii) một hoặc một số mẫu của nhãn hiệu;
- (xiii) phiên âm của nhãn hiệu hoặc một số bộ phận nhất định của nhãn hiệu;
- (xiv) bản dịch nhãn hiệu hoặc một số bộ phận nhất định của nhãn hiệu;
- (xv) tên hàng hóa và/hoặc dịch vụ sử dụng nhãn hiệu đăng ký được phân nhóm theo Bảng Phân loại Nice, trước nhóm là số ký hiệu của nhóm tương ứng và các nhóm được trình bày theo thứ tự trong Bảng Phân loại đó;
- (xvi) chữ ký của người được đề cập tại khoản (4);
- (xvii) tuyên bố về ý định sử dụng nhãn hiệu, theo quy định của pháp luật Bên ký kết đó.

(b) Người nộp đơn có thể nộp, thay thế hoặc bổ sung cho tuyên bố về ý định sử dụng nhãn hiệu như đề cập tại mục (a)(xvii), tuyên bố về việc thực sự sử dụng nhãn hiệu và chứng cứ khẳng định điều đó, theo quy định của luật pháp của Bên ký kết đó.

(c) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng các khoản phí liên quan đến đơn đó phải được nộp cho Cơ quan.

(2) [Hình thức]

Liên quan tới các yêu cầu về hình thức đơn, không một Bên ký kết nào được từ chối đơn,

(i) nếu đơn đó được trình bày phù hợp với mẫu đơn quy định trong Quy chế, phụ thuộc vào khoản (3), trong trường hợp đơn được nộp bằng văn bản dạng giấy,

(ii) nếu bản fax phù hợp với mẫu đơn đề cập tại mục (i), phụ thuộc vào khoản (3), trong trường hợp Bên ký kết chấp nhận việc giao dịch với cơ quan bằng fax.

(3) [Ngôn ngữ]

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn phải được trình bày bằng một ngôn ngữ, hoặc bằng một trong các ngôn ngữ mà Cơ quan chấp nhận. Trường hợp Cơ quan chấp nhận nhiều ngôn ngữ, người nộp đơn có thể phải tuân thủ bất kỳ yêu cầu nào khác về ngôn ngữ quy định đối với Cơ quan, với điều kiện không được yêu cầu trình bày đơn bằng nhiều ngôn ngữ.

(4) [Chữ ký]

(a) Chữ ký được đề cập đến tại khoản (1)(a)(xvi) có thể là chữ ký của người nộp đơn hoặc chữ ký của người đại diện của họ.

(b) Không phụ thuộc vào quy định tại điểm (a), bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng các tờ khai nêu tại khoản (1)(a)(xvii) và (1)(b) phải được chính người nộp đơn ký, kể cả trong trường hợp người nộp đơn có người đại diện.

(5) [Một đơn chung cho Hàng hóa và/hoặc Dịch vụ thuộc nhiều Nhóm]

Một đơn có thể liên quan đến nhiều hàng hóa và/hoặc dịch vụ, không phân biệt các hàng hoá và dịch vụ đó thuộc một hay nhiều nhóm thuộc Bảng Phân loại Nice.

(6) [Sử dụng thực sự]

Trường hợp tuyên bố ý định sử dụng nhãn hiệu được khai theo khoản (1)(a)(xvii), bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng trong một thời hạn tối thiểu theo quy định của Quy chế, người nộp đơn phải cung cấp chứng cứ về việc sử dụng thực sự nhãn hiệu đó.

(7) [Cấm các Yêu cầu khác]

Ngoài các yêu cầu quy định tại các khoản từ (1) đến (4) và (6), không một Bên ký kết nào được đưa ra các yêu cầu khác đối với đơn. Cụ thể là không được phép yêu cầu những điểm dưới đây đối với một đơn trong quá trình chờ xử lý:

(i) nộp bất kỳ bản chứng nhận, hoặc bản trích sao đăng ký kinh doanh;

(ii) thông tin về việc người nộp đơn đang tiến hành một hoạt động thương mại hoặc công nghiệp, cũng như việc cung cấp chứng cứ liên quan;

(iii) thông tin về việc người nộp đơn đang tiến hành một hoạt động liên quan đến hàng hóa và/hoặc dịch vụ được liệt kê trong đơn, cũng như việc cung cấp chứng cứ liên quan;

(iv) cung cấp chứng cứ về việc nhãn hiệu đã được đăng ký tại một Bên ký kết khác hoặc tại một Quốc gia là thành viên Công ước Paris mà không phải là một Bên ký kết, trừ trường hợp người nộp đơn yêu cầu áp dụng Điều 6quinquies của Công ước Paris.

(8) [Chứng cứ]

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định bắt buộc cung cấp chứng cứ cho Cơ quan trong quá trình xét nghiệm đơn khi Cơ quan có đủ cơ sở để nghi ngờ tính xác

thực của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào trong đơn.

Điều 4

Đại diện; Địa chỉ giao dịch

(1) [Người đại diện được phép hành nghề]

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng bất kỳ người nào được chỉ định là đại diện trong bất kỳ thủ tục nào trước Cơ quan phải là đại diện được phép hành nghề trước Cơ quan đó.

(2) [Đại diện bắt buộc; Địa chỉ giao dịch]

(a) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng bất cứ người nào không có nơi ở thường trú hoặc không có cơ sở thương mại công nghiệp thực sự và hữu hiệu trên lãnh thổ của Bên ký kết đó, đều phải có người đại diện thực hiện mọi thủ tục trước Cơ quan.

(b) Khi xét thấy không cần sự đại diện như quy định tại điểm (a), bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng bất cứ người nào không có nơi ở thường trú hoặc không có cơ sở thương mại công nghiệp thực sự và hữu hiệu trên lãnh thổ của Bên ký kết đó, đều phải có một địa chỉ giao dịch trên lãnh thổ nước đó.

(3) [Giấy ủy quyền]

(a) Trong trường hợp một Bên ký kết cho phép hoặc yêu cầu người nộp đơn, chủ văn bằng hay một người có liên quan khác phải có người đại diện trước Cơ quan, Bên ký kết đó có thể quy định rằng phải có văn bản chỉ định người đại diện đó (sau đây gọi là "giấy ủy quyền") nêu rõ tên và có chữ ký của người nộp đơn, chủ sở hữu, hoặc người khác liên quan, tùy từng trường hợp cụ thể.

(b) Giấy ủy quyền có thể liên quan đến một hoặc nhiều đơn và/hoặc đăng ký được nêu rõ trong giấy ủy quyền hoặc tất cả các đơn và/hoặc đăng ký hiện tại và tương lai của người ủy quyền phụ thuộc vào các trường hợp ngoại lệ mà người đó chỉ ra.

(c) Giấy ủy quyền có thể hạn chế quyền của người đại diện trong một số hoạt động cụ thể. Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng việc cho phép người đại diện rút đơn hoặc từ bỏ đăng ký phải được nêu rõ trong giấy ủy quyền.

(d) Trường hợp Cơ quan nhận hồ sơ do một người tự xưng là đại diện nộp, trong khi Cơ quan chưa nhận được giấy ủy quyền, Bên ký kết đó có thể yêu cầu giấy ủy quyền phải được nộp trong một thời hạn nhất định phụ thuộc vào thời hạn tối thiểu quy định trong Quy chế. Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng trong trường hợp giấy ủy quyền không được nộp cho Cơ quan trong thời hạn do Bên ký kết đó ấn định, hồ sơ do người đó gửi sẽ không có hiệu lực.

(e) Liên quan đến những yêu cầu về hình thức và nội dung của giấy ủy quyền, không Bên ký kết nào được từ chối hiệu lực của giấy ủy quyền đó,

(i) nếu làm theo mẫu phù hợp với Mẫu giấy ủy quyền quy định trong Quy chế, phụ thuộc vào khoản 4, trong trường hợp giấy ủy quyền được nộp dưới dạng giấy,

(ii) nếu bản fax phù hợp với Mẫu giấy ủy quyền đề cập tại (i), phụ thuộc vào khoản (4), trong trường hợp Bên ký kết chấp nhận giấy ủy quyền nộp cho Cơ quan bằng fax.

(4) [Ngôn ngữ]

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng giấy uỷ quyền phải được trình bày bằng một ngôn ngữ, hoặc bằng một trong những ngôn ngữ được Cơ quan chấp nhận.

(5) [Dẫn chiếu Giấy uỷ quyền]

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng mọi tài liệu giao dịch giữa người đại diện và Cơ quan nhằm thực hiện các thủ tục trước Cơ quan đều phải dẫn chiếu Giấy uỷ quyền về việc đại diện đó.

(6) [Cấm những Yêu cầu khác]

Ngoài các yêu cầu quy định tại các khoản từ (3) đến (5), không một Bên ký kết nào được phép đặt ra các yêu cầu khác liên quan đến các vấn đề được đề cập tại các khoản đó.

(7) [Chứng cứ]

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định bắt buộc việc cung cấp chứng cứ cho Cơ quan khi Cơ quan có đủ cơ sở để nghi vấn về tính xác thực của bất kỳ thông tin nào trong các tài liệu giao dịch đề cập trong các khoản từ (2) đến (5).

Điều 5

Ngày nộp đơn

(1) [Các yêu cầu được phép]

(a) Phụ thuộc vào điểm (b) và khoản (2), một Bên ký kết phải chấp nhận ngày nộp đơn là ngày mà Cơ quan nhận được các thông tin và các tài liệu dưới đây bằng ngôn ngữ quy định tại Điều 3 (3):

- (i) một chỉ dẫn rõ ràng hoặc ngầm hiểu về việc yêu cầu đăng ký nhãn hiệu;
- (ii) các thông tin về người nộp đơn;
- (iii) các thông tin đủ để liên hệ bằng thư từ với người nộp đơn hoặc đại diện của người đó, nếu có;
- (iv) một mẫu nhãn hiệu yêu cầu đăng ký rõ ràng;
- (v) danh mục hàng hóa và/hoặc dịch vụ xin đăng ký;
- (vi) trường hợp áp dụng Điều 3(1)(a)(xvii) hoặc 3(1)(b), tuyên bố đề cập tại Điều 3(1)(a)(xvii) hoặc tuyên bố và chứng cứ đề cập tại Điều 3(1)(b) theo quy định pháp luật của Bên ký kết, các tờ khai được chính người nộp đơn ký kể cả trường hợp người đó có đại diện nếu pháp luật nêu trên có quy định như vậy.

(b) Mọi Bên ký kết đều có thể coi ngày nộp đơn là ngày mà Cơ quan chỉ mới nhận được một số, không phải toàn bộ, những thông tin và tài liệu đề cập tại điểm (a) hoặc nhận được những thông tin và tài liệu đó bằng một ngôn ngữ khác với ngôn ngữ quy định tại Điều 3(3).

(2) [Yêu cầu bổ sung được phép]

(a) Một Bên ký kết có thể qui định rằng ngày nộp đơn sẽ không được chấp nhận chừng nào các khoản phí theo luật định chưa được nộp.

(b) Một Bên ký kết chỉ có thể áp dụng yêu cầu đề cập tại điểm (a) nếu áp dụng điều đó từ khi Bên ký kết đó trở thành thành viên của Hiệp ước này.

(3) [Sửa đổi và Thời hạn]

Các thể thức và thời hạn đối với việc sửa đổi theo các khoản (1) và (2) sẽ được ấn định trong Quy chế.

(4) [Cấm các yêu cầu khác]

Ngoài các yêu cầu quy định tại các khoản (1) và (2), không Bên ký kết nào được phép đưa ra các yêu cầu khác liên quan đến ngày nộp đơn.

Điều 6

Việc đăng ký cho các Hàng hóa và/hoặc Dịch vụ thuộc nhiều Nhóm

Trường hợp một đơn nộp chung cho các hàng hoá và/hoặc dịch vụ thuộc nhiều nhóm của Bảng Phân loại Nice, thì đăng ký cũng chung cho các hàng hoá và/hoặc dịch vụ đó.

Điều 7

Tách Đơn và Đăng ký

(1) [Tách Đơn]

(a) Bất kỳ đơn nào liệt kê một số hàng hóa và/hoặc dịch vụ (sau đây gọi tắt là "đơn ban đầu") có thể,

(i) ít nhất cho đến khi Cơ quan có quyết định đăng ký nhãn hiệu,

(ii) trong thời gian phản đối quyết định của Cơ quan về việc đăng ký nhãn hiệu,

(iii) trong thời gian khiếu nại quyết định đăng ký nhãn hiệu, được tách bởi người nộp đơn, hoặc theo yêu cầu của người nộp đơn, thành hai hoặc nhiều đơn (sau đây gọi tắt là "đơn tách") bằng cách tách các hàng hóa và/hoặc dịch vụ được liệt kê trong đơn ban đầu vào các đơn tách. Các đơn tách sẽ giữ ngày nộp đơn ban đầu và quyền lợi liên quan đến quyền ưu tiên, nếu có.

(b) Phụ thuộc vào điểm (a), bất kỳ Bên ký kết nào cũng sẽ được tự do quy định các yêu cầu đối với việc tách đơn, kể cả việc nộp các khoản phí.

(2) [Tách Đăng ký]

Với những sửa đổi thích hợp, khoản (1) sẽ áp dụng đối với việc tách một đăng ký. Việc tách như vậy sẽ được phép

(i) trong bất kỳ thủ tục khiếu kiện nào mà hiệu lực của đăng ký bị một bên thứ ba phản đối trước Cơ quan,

(ii) trong bất kỳ thủ tục khiếu kiện phúc thẩm nào đối với quyết định của Cơ quan trong thủ tục khiếu kiện trước đó, với điều kiện một Bên ký kết có thể loại bỏ khả năng tách các đăng ký nếu pháp luật của Bên ký kết đó cho phép các bên thứ ba phản đối việc đăng ký nhãn hiệu trước khi nhãn hiệu đó được đăng ký.

Điều 8

Chữ ký

(1) [Giao dịch bằng văn bản]

Trường hợp tài liệu giao dịch với Cơ quan của một Bên ký kết phải có chữ ký, Bên

ký kết đó

- (i) phụ thuộc vào mục (iii), phải chấp nhận chữ ký bằng tay,
- (ii) thay vì chữ ký tay, được tự do cho phép sử dụng các hình thức chữ ký khác, như chữ ký in hoặc chữ ký nổi, hoặc sử dụng con dấu,
- (iii) có thể yêu cầu sử dụng con dấu thay cho chữ ký viết tay trong trường hợp cá nhân ký tài liệu là công dân của Bên ký kết và địa chỉ của người đó thuộc lãnh thổ của nước đó,
- (iv) có thể yêu cầu con dấu phải ghi kèm theo tên của người có con dấu được sử dụng.

(2) [Giao dịch bằng fax]

(a) Trường hợp một Bên ký kết chấp nhận việc giao dịch với Cơ quan bằng fax, Bên ký kết này sẽ coi tài liệu đó đã được ký, nếu trên bản fax có chữ ký hoặc dấu cũng như tên của người có con dấu đó như quy định tại khoản (1)(iv) trên đây.

(b) Bên ký kết đề cập tại điểm (a) có thể quy định rằng bản gốc của tài liệu đã chuyển bằng fax, phải được nộp cho Cơ quan trong một thời hạn nhất định, phụ thuộc vào thời hạn tối thiểu nêu trong Quy chế.

(3) [Giao dịch bằng các phương tiện điện tử]

Trường hợp một Bên ký kết chấp nhận việc giao dịch với Cơ quan bằng các phương tiện điện tử, Bên ký kết đó sẽ coi tài liệu đó đã được ký, nếu tài liệu đó chỉ rõ người gửi tài liệu đó qua các phương tiện điện tử như đã được Bên ký kết quy định.

(4) [Cấm Yêu cầu Xác nhận]

Không Bên ký kết nào được yêu cầu sự chứng thực, công chứng, xác nhận, hợp pháp hóa bất cứ chữ ký hoặc hình thức tự xác nhận khác được đề cập tại các khoản trên đây, trừ trường hợp chữ ký liên quan đến việc đình chỉ một đảng ký nếu luật pháp của Bên ký kết quy định như vậy.

Điều 9

Phân loại Hàng hóa và/hoặc Dịch vụ

(1) [Các thông tin về Hàng hóa và/hoặc Dịch vụ]

Mỗi đăng ký và bất kỳ công bố nào do một Cơ quan thực hiện liên quan đến một đơn hoặc đăng ký đều phải nêu tên của các hàng hóa và/hoặc dịch vụ được phân nhóm theo Bảng Phân loại Nice và trước mỗi nhóm ghi số ký hiệu nhóm thuộc Bảng Phân loại nêu trên.

(2) [Hàng hóa hoặc Dịch vụ trong cùng một Nhóm hoặc các Nhóm khác nhau]

(a) Không được coi hàng hóa hoặc dịch vụ là tương tự với nhau với lý do là trong bất kỳ đăng ký hay công bố nào đó của Cơ quan, hàng hoá hoặc dịch vụ xuất hiện trong cùng một nhóm thuộc Bảng Phân loại Nice.

(b) Không được coi hàng hóa hoặc dịch vụ là không tương tự với lý do là trong bất kỳ đăng ký hay công bố nào đó của Cơ quan, hàng hóa hoặc dịch vụ xuất hiện trong các nhóm khác nhau thuộc Bảng Phân loại Nice.

Điều 10

Thay đổi về Tên hoặc Địa chỉ

(1) [Thay đổi Tên hoặc Địa chỉ của Chủ sở hữu]

(a) Trường hợp không có thay đổi gì đối với bản thân chủ sở hữu nhưng có thay đổi về tên và/hoặc địa chỉ của người đó, thì mỗi Bên ký kết sẽ chấp thuận việc một đơn yêu cầu Cơ quan ghi nhận sự thay đổi đó trong đăng bạ được thực hiện bằng một văn bản được chủ sở hữu hoặc đại diện của họ ký và nêu rõ số đăng ký liên quan và các thay đổi cần được ghi nhận. Đối với các điều kiện về hình thức đơn yêu cầu, không Bên ký kết nào được phép từ chối đơn yêu cầu,

(i) nếu, tùy thuộc vào điểm (c), đơn yêu cầu làm theo một mẫu phù hợp với Mẫu đơn yêu cầu quy định trong Quy chế, trong trường hợp đơn yêu cầu bằng văn bản,

(ii) nếu bản fax phù hợp với Mẫu đơn yêu cầu đề cập trong mục (i), trong trường hợp Bên ký kết chấp nhận việc giao dịch với Cơ quan bằng fax và đơn yêu cầu được chuyển bằng fax, tùy thuộc vào điểm (c),

(b) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn yêu cầu phải nêu

(i) tên và địa chỉ của chủ sở hữu;

(ii) tên và địa chỉ của người đại diện trong trường hợp chủ sở hữu có đại diện;

(iii) địa chỉ giao dịch trường hợp chủ sở hữu có địa chỉ giao dịch.

(c) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn yêu cầu được làm bằng ngôn ngữ, hoặc bằng một trong những ngôn ngữ được Cơ quan chấp nhận.

(d) Đối với đơn đề nghị, bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể yêu cầu nộp lệ phí cho Cơ quan.

(e) Chỉ cần một đơn yêu cầu chung là đủ cho cả trường hợp thay đổi liên quan tới nhiều đăng ký, với điều kiện các mã số đăng ký của tất cả các đăng ký liên quan được nêu rõ trong đơn yêu cầu.

(2) [Thay đổi Tên hoặc Địa chỉ của Người nộp đơn]

Với những sửa đổi thích hợp, khoản (1) sẽ áp dụng trong trường hợp thay đổi liên quan đến một hoặc nhiều đơn hay cả một hoặc nhiều đơn và một hoặc nhiều đăng ký, với điều kiện khi một đơn bất kỳ chưa được cho số đơn, hoặc số đơn chưa được người nộp đơn hoặc đại diện của họ biết, đơn yêu cầu sẽ xác định đơn đó theo cách thức khác như quy định của Quy chế.

(3) [Thay đổi Tên hoặc Địa chỉ của Người Đại diện hoặc Địa chỉ giao dịch]

Với những sửa đổi thích hợp, khoản (1) sẽ được áp dụng đối với bất kỳ thay đổi tên hoặc địa chỉ nào của người đại diện, nếu có, và bất kỳ thay đổi nào về đến địa chỉ giao dịch, nếu có.

(4) [Cấm những Yêu cầu khác]

Không Bên ký kết nào được đòi hỏi phải đáp ứng các điều kiện khác ngoài các điều kiện tại các khoản từ (1) đến (3) đối với đơn yêu cầu đề cập trong Điều này. Đặc biệt, không được đòi hỏi cung cấp chứng nhận liên quan đến thay đổi đó.

(5) [Chứng cứ]

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể yêu cầu cung cấp chứng cứ cho Cơ quan khi Cơ quan có đủ cơ sở nghi vấn về tính xác thực của bất kỳ chỉ dẫn nào trong đơn yêu cầu.

Điều 11

Thay đổi quyền sở hữu

(1) [Thay đổi quyền sở hữu Đăng ký]

(a) Khi có thay đổi về chủ sở hữu, mỗi Bên ký kết có thể quy định rằng đơn yêu cầu ghi nhận sự thay đổi trong đăng bạ nhãn hiệu của Cơ quan phải được làm bằng văn bản do chủ sở hữu hoặc đại diện của họ hoặc người được chuyển nhượng quyền sở hữu (sau đây gọi tắt là "chủ sở hữu mới") hoặc đại diện của họ ký, nêu rõ số đăng ký và các thay đổi cần được ghi nhận. Liên quan đến các yêu cầu về việc nộp đơn yêu cầu, không Bên ký kết nào được từ chối đơn yêu cầu đó,

(i) nếu, tùy thuộc vào khoản (2)(a), đơn yêu cầu được trình bày theo Mẫu đơn yêu cầu quy định trong Quy chế, trong trường hợp đơn yêu cầu được trình bày dưới dạng giấy,

(ii) nếu bản fax phù hợp với Mẫu đơn yêu cầu đề cập tại mục (i), trong trường hợp Bên ký kết đó chấp nhận việc giao dịch với Cơ quan bằng fax và đơn yêu cầu được chuyển bằng fax, tùy thuộc vào khoản (2)(a).

(b) Trường hợp thay đổi quyền sở hữu trên cơ sở một hợp đồng, bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn yêu cầu phải nêu rõ điều đó và phải kèm theo một trong các chứng cứ sau đây, theo lựa chọn của bên yêu cầu:

(i) một bản sao hợp đồng, có thể phải có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc một cơ quan có thẩm quyền về tính xác thực so với hợp đồng gốc;

(ii) một đoạn trích hợp đồng về sự thay đổi quyền sở hữu, có thể phải có xác nhận của một cơ quan công chứng hay một cơ quan có thẩm quyền về tính xác thực của đoạn trích hợp đồng đó;

(iii) một chứng nhận chuyển giao không có xác nhận được làm theo mẫu và

với nội dung quy định trong Quy chế và được chủ sở hữu và chủ sở hữu mới ký;

(iv) một tài liệu chuyển giao không cần xác nhận được làm theo mẫu và với nội dung quy định trong Quy chế và được cả chủ sở hữu quyền và chủ sở hữu mới ký.

(c) Khi một thay đổi về quyền sở hữu là kết quả của việc sáp nhập, bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn đề nghị phải nêu rõ điều đó và kèm theo bản sao tài liệu của cơ quan có thẩm quyền xác nhận sự sáp nhập, chẳng hạn bản trích sao đăng ký kinh doanh, và bản sao đó được xác nhận bởi cơ quan ban hành tài liệu đó hoặc bởi một cơ quan công chứng hoặc một cơ quan có thẩm quyền về tính xác thực so với tài liệu gốc.

(d) Trường hợp một thay đổi nhân sự của một hoặc nhiều nhưng không phải tất cả các đồng sở hữu và sự thay đổi về quyền sở hữu là kết quả của một hợp đồng hay một sự sáp nhập, bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng bất kỳ đồng sở hữu chủ nào không có sự thay đổi về quyền sở hữu phải nêu rõ sự nhất trí về sự thay đổi quyền sở hữu đó bằng một văn bản có chữ ký của mình.

(e) Trường hợp sự thay đổi quyền sở hữu không phát sinh từ một hợp đồng hay một sự sáp nhập, mà với lý do khác, chẳng hạn do việc thi hành pháp luật hoặc một quyết định của tòa án, bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn yêu cầu phải nêu rõ điều đó và kèm theo bản sao tài liệu xác nhận sự thay đổi được xác nhận bởi cơ quan ban hành tài liệu trên hoặc bởi một cơ quan công chứng hoặc một cơ quan có thẩm quyền về tính xác thực so với tài liệu gốc.

(f) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn yêu cầu phải nêu

(i) tên và địa chỉ của chủ sở hữu;

(ii) tên và địa chỉ của chủ sở hữu mới;

(iii) tên quốc gia mà chủ sở hữu mới là công dân, tên quốc gia mà chủ sở hữu mới thường trú, nếu có, và tên quốc gia mà chủ sở hữu mới có cơ sở thương mại hoặc công nghiệp thực sự và hữu hiệu, nếu có;

(iv) bản chất pháp lý của pháp nhân và của Quốc gia, và, nếu thích hợp, đơn vị lãnh thổ thuộc Quốc gia mà pháp luật ở đó là cơ sở thành lập pháp nhân đó, trong trường hợp chủ sở hữu mới là một pháp nhân;

(v) tên và địa chỉ của người đại diện, trong trường hợp chủ sở hữu có người đại diện;

(vi) địa chỉ giao dịch, trong trường hợp chủ sở hữu có địa chỉ đó;

(vii) tên và địa chỉ của người đại diện, trường hợp chủ sở hữu mới có người đại diện;

(viii) địa chỉ giao dịch nếu chủ sở hữu mới bắt buộc phải có một địa chỉ giao dịch theo Điều 4(2)(b).

(g) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định việc nộp phí đối với đơn yêu cầu cho Cơ quan.

(h) Chỉ cần một đơn yêu cầu chung là đủ cho cả trường hợp sự thay đổi liên quan đến nhiều đăng ký, với điều kiện liên quan đến cùng một chủ sở hữu và chủ sở hữu mới và số đăng bạ của tất cả các đăng ký có liên quan phải được nêu rõ trong đơn yêu cầu.

(i) Trường hợp thay đổi quyền sở hữu không liên quan đến tất cả các hàng

hóa và/hoặc dịch vụ liệt kê trong đăng ký của chủ sở hữu, và luật tương ứng cho phép ghi nhận sự thay đổi như vậy, thì Cơ quan sẽ lập đăng ký riêng cho các hàng hoá và/hoặc dịch vụ mà quyền sở hữu thay đổi.

(2) [Ngôn ngữ; Bản dịch]

(a) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn yêu cầu, giấy chứng nhận chuyển giao hoặc tài liệu chuyển giao đề cập đến tại khoản (1) phải được làm bằng ngôn ngữ hoặc một trong các ngôn ngữ được Cơ quan chấp nhận.

(b) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng nếu các tài liệu đề cập tại khoản (1)(b)(i) và (1)(b)(ii), (1)(c) và (1)(e) không trình bày bằng ngôn ngữ, hoặc bằng một trong những ngôn ngữ được Cơ quan chấp nhận thì đơn đề nghị phải được gửi kèm với một bản dịch, hoặc một bản dịch tài liệu xác nhận ra một ngôn ngữ hoặc một trong những ngôn ngữ được Cơ quan chấp nhận.

(3) [Thay đổi Quyền sở hữu của một Đơn]

Với sửa đổi thích hợp, các khoản (1) và (2) sẽ áp dụng đối với trường hợp thay đổi quyền sở hữu liên quan đến một hoặc nhiều đơn, hoặc một hoặc nhiều đơn và một hoặc nhiều đăng ký, với điều kiện, khi đơn bất kỳ chưa được cho số đơn, hoặc số đơn chưa được người nộp đơn hoặc đại diện của họ biết, thì đơn yêu cầu xác định đơn đó theo cách thức khác như quy định của Quy chế.

(4) [Cấm các Yêu cầu khác]

Đối với đơn yêu cầu đề cập trong Điều này, không Bên ký kết nào được đòi hỏi đáp ứng các điều kiện ngoài những điều kiện trong các khoản từ (1) đến (3). Đặc biệt, không được yêu cầu những điểm sau:

(i) nộp bất kỳ giấy chứng nhận, hoặc trích sao đăng ký kinh doanh, phụ thuộc vào khoản (1)(c);

(ii) tuyên bố về việc chủ sở hữu mới đang tiến hành hoạt động thương mại hoặc công nghiệp, cũng như việc cung cấp chứng cứ về việc đó;

(iii) tuyên bố về việc chủ sở hữu mới đang tiến hành hoạt động liên quan đến hàng hóa và/hoặc dịch vụ bị thay đổi quyền sở hữu, cũng như cung cấp chứng cứ về việc đó;

(iv) tuyên bố về việc chủ sở hữu chuyển giao, toàn bộ hay từng phần, cơ sở kinh doanh hoặc uy tín của mình cho chủ sở hữu mới, cũng như cung cấp chứng cứ về việc đó.

(5) [Chứng cứ]

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể yêu cầu cung cấp chứng cứ hoặc các chứng cứ theo khoản (1)(c) hay (1)(e) cho Cơ quan trong trường hợp Cơ quan có đủ cơ sở nghi ngờ tính xác thực của bất kỳ thông tin nào trong đơn yêu cầu hoặc trong bất kỳ tài liệu nào đề cập tại Điều này.

Điều 12

Sửa chữa Lỗi

(1) [Sửa chữa Lỗi liên quan đến Đăng ký]

(a) Mỗi Bên ký kết sẽ chấp nhận rằng đơn yêu cầu sửa chữa lỗi trong đơn hoặc trong đơn yêu cầu khác gửi cho Cơ quan và lỗi đó được phản ánh trong đăng bạ nhãn

hiệu và/hoặc bất kỳ công bố nào của Cơ quan, được trình bày dưới dạng một thông báo được chủ sở hữu ký hoặc đại diện của họ ký và nêu số đăng ký liên quan, lỗi cần được sửa và sửa như thế nào. Về các yêu cầu liên quan đến cách trình bày của đơn yêu cầu sửa lỗi, không Bên ký kết nào được từ chối đơn yêu cầu,

(i) nếu đơn yêu cầu được trình bày theo mẫu phù hợp với Mẫu đơn yêu cầu quy định trong Quy chế, trong trường hợp đơn yêu cầu sửa lỗi được trình bày dưới dạng giấy, phụ thuộc vào điểm (c),

(ii) nếu bản sao dạng giấy của fax đó phù hợp với Mẫu đơn đề nghị sửa lỗi đề cập tại mục (i), trong trường hợp Bên ký kết chấp nhận việc giao dịch với Cơ quan bằng fax và đơn đề nghị sửa lỗi được chuyển bằng fax, phụ thuộc vào điểm (c),

(b) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn đề nghị sửa lỗi chỉ rõ

(i) tên và địa chỉ của chủ sở hữu;

(ii) tên và địa chỉ của người đại diện, trường hợp chủ sở hữu có người đại diện;

(iii) địa chỉ giao dịch, trường hợp chủ sở hữu có địa chỉ giao dịch.

(c) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn yêu cầu sửa lỗi phải được làm bằng một ngôn ngữ, hoặc bằng một trong những ngôn ngữ mà Cơ quan chấp nhận.

(d) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng phí liên quan đến đơn yêu cầu sửa lỗi phải được nộp cho Cơ quan.

(e) Chỉ cần một đơn yêu cầu chung là đủ cho cả trường hợp thay đổi liên quan đến nhiều đăng ký của cùng một người, với điều kiện lỗi và việc yêu cầu sửa lỗi giống nhau đối với mỗi đăng ký và số đăng ký của tất cả các đăng ký liên quan được nêu rõ trong đơn yêu cầu sửa lỗi.

(2) [Sửa chữa Lỗi của một Đơn]

Với những sửa đổi thích hợp, khoản (1) sẽ áp dụng trong trường hợp lỗi liên quan đến một hoặc nhiều đơn, hoặc cả một hoặc nhiều đơn và một hay nhiều đăng ký, với điều kiện, khi chưa có đơn nào được cho số đơn hoặc số đơn chưa được thông báo cho người nộp đơn hoặc người đại diện của người nộp đơn, thì đơn yêu cầu sẽ xác định đơn đó theo Quy chế.

(3) [Cấm các Yêu cầu khác]

Ngoài các yêu cầu nêu tại các khoản (1) và (2), không Bên ký kết nào được đặt ra các yêu cầu khác đối với đơn yêu cầu nêu tại Điều này.

(4) [Chứng cứ]

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể yêu cầu cung cấp chứng cứ cho Cơ quan, khi Cơ quan có đủ cơ sở để nghi ngờ rằng lỗi nêu trong yêu cầu có thực sự là lỗi hay không.

(5) [Lỗi của Cơ quan]

Cơ quan của Bên ký kết phải sửa chữa lỗi của mình, một cách chủ động hoặc theo yêu cầu, mà không được thu phí.

(6) [Lỗi không thể sửa chữa]

Không Bên ký kết nào phải có nghĩa vụ áp dụng các khoản (1), (2) và (5) đối với những lỗi không thể sửa được theo pháp luật của mình.

Điều 13

Thời hạn hiệu lực và gia hạn Đăng ký

(1) [Thông tin hoặc tài liệu trong hoặc kèm theo đơn yêu cầu gia hạn; Phí]

(a) Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng việc gia hạn đăng ký chỉ được thực hiện khi có đơn yêu cầu gia hạn và yêu cầu đó bao gồm một số hoặc tất cả các thông tin sau:

- (i) yêu cầu gia hạn;
- (ii) tên và địa chỉ của chủ sở hữu;
- (iii) số đăng ký;
- (iv) ngày nộp đơn hoặc ngày đăng ký của đăng ký liên quan, tùy theo sự lựa chọn của Bên ký kết;
- (v) tên và địa chỉ của người đại diện, trong trường hợp chủ sở hữu có người đại diện;
- (vi) địa chỉ giao dịch, trong trường hợp chủ sở hữu có địa chỉ giao dịch;
- (vii) tên của các hàng hoá và/hoặc dịch vụ gia hạn hoặc tên của các hàng hoá và/hoặc dịch vụ không yêu cầu gia hạn, phân nhóm theo các nhóm của Bảng Phân loại Nice, phân theo nhóm hàng hoá hoặc dịch vụ thuộc Bảng Phân loại, đặt sau ký hiệu của nhóm hàng hoá hoặc dịch vụ của Bảng Phân loại chứa nhóm đó và được trình bày theo thứ tự các nhóm của Bảng Phân loại nêu trên, trong trường hợp một Bên ký kết cho phép gia hạn đăng ký đối với một số hàng hoá và/hoặc dịch vụ ghi trong đăng bạ nhãn hiệu và có đơn yêu cầu gia hạn như vậy;
- (viii) tên và địa chỉ của người nộp yêu cầu xin gia hạn nếu người đó không phải chủ sở hữu hoặc người đại diện của chủ sở hữu, trong trường hợp một Bên ký kết cho phép điều đó;
- (ix) chữ ký của chủ sở hữu hoặc người đại diện của chủ sở hữu hoặc chữ ký của người được đề cập tại mục (viii) khi áp dụng mục đó.

(b) Mỗi Bên ký kết đều có thể quy định việc nộp phí xin gia hạn cho Cơ quan. Một khi phí gia hạn kỳ hạn hiệu lực đầu tiên hoặc bất kỳ kỳ hạn hiệu lực nào khác đã được nộp, thì không được yêu cầu nộp thêm bất kỳ khoản phí nào khác với mục đích duy trì hiệu lực đăng ký trong kỳ hạn hiệu lực đó. Với mục đích của điểm này, các khoản phí liên quan đến việc nộp tuyên bố và/hoặc chứng cứ về việc sử dụng, không được coi là khoản nộp để duy trì hiệu lực đăng ký và không áp dụng điểm này.

(c) Mỗi Bên ký kết đều có thể quy định rằng đơn yêu cầu gia hạn và các khoản phí tương ứng nêu tại điểm (b) phải được nộp cho Cơ quan trong một thời hạn do luật của Bên ký kết đó ấn định và phù hợp với thời hạn tối thiểu quy định trong Quy chế.

(2) [Trình bày]

Đối với các yêu cầu liên quan đến việc trình bày đơn yêu cầu gia hạn, không Bên ký kết nào được từ chối đơn yêu cầu đó,

- (i) được lập theo mẫu đơn yêu cầu gia hạn phù hợp với mẫu đơn quy định trong Quy chế, trong trường hợp đơn yêu cầu gia hạn được trình bày dưới dạng giấy, phụ thuộc vào khoản (3),
- (ii) bản sao dạng giấy của fax phù hợp với mẫu nêu tại điểm (i), trong trường

hợp Bên ký kết chấp nhận việc giao dịch với Cơ quan bằng fax và đơn yêu cầu gia hạn được chuyển bằng fax, phụ thuộc vào khoản (3),

(3) [Ngôn ngữ]

Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng đơn yêu cầu gia hạn phải được trình bày bằng một ngôn ngữ hoặc một trong số các ngôn ngữ được Cơ quan chấp nhận.

(4) [Cấm các yêu cầu khác]

Không Bên ký kết nào được đặt ra các yêu cầu khác ngoài các yêu cầu nêu tại các khoản từ (1) đến (3) đối với đơn yêu cầu gia hạn. Cụ thể là, không được yêu cầu:

(i) bất kỳ mẫu nhãn hiệu hoặc cách nhận biết khác của nhãn hiệu;

(ii) cung cấp chứng cứ về việc nhãn hiệu đó đã được đăng ký, hoặc đăng ký này đã được gia hạn trong đăng bạ của bất kỳ Bên ký kết nào khác;

(iii) cung cấp bản tuyên bố và/hoặc chứng cứ liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu.

(5) [Chứng cứ]

Các Bên ký kết đều có thể quy định rằng chứng cứ phải được cung cấp cho Cơ quan trong quá trình xem xét đơn yêu cầu gia hạn nếu Cơ quan có đủ cơ sở để nghi ngờ tính xác thực của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào trong đơn yêu cầu gia hạn.

(6) [Cấm xét nghiệm nội dung]

Không Cơ quan của Bên ký kết nào được xét nghiệm nội dung với mục đích gia hạn hiệu lực đăng ký.

(7) [Thời hạn]

Thời hạn đăng ký ban đầu và mỗi lần gia hạn là 10 năm.

Điều 14

ý kiến trong trường hợp dự định từ chối

Đơn hoặc đơn yêu cầu đề cập tại các Điều từ 10 đến 13 không thể bị Cơ quan từ chối toàn bộ hoặc từng phần nếu không dành cho người nộp đơn hoặc người yêu cầu một cơ hội nêu ý kiến về dự định từ chối trong một thời hạn thích hợp.

Điều 15

Nghĩa vụ tuân thủ Công ước Paris

Các Bên ký kết phải tuân thủ các quy định liên quan đến nhãn hiệu của Công ước Paris.

Điều 16

Nhãn hiệu dịch vụ

Các Bên ký kết phải đăng ký nhãn hiệu dịch vụ và áp dụng đối với các nhãn hiệu đó các quy định liên quan đến nhãn hiệu hàng hoá của Công ước Paris.

Điều 17

Quy chế

(1) [Nội dung]

(a) Quy chế kèm theo Hiệp ước này quy định các quy tắc liên quan đến:

(i) các vấn đề mà Hiệp ước này quy định rõ là sẽ được "quy định trong Quy chế";

(ii) mọi quy định chi tiết cần thiết cho việc thi hành các điều khoản của Hiệp ước này;

(iii) các yêu cầu, vấn đề hoặc thủ tục hành chính.

(b) Quy chế cũng bao gồm các Mẫu Tờ khai quốc tế.

(2) [Mâu thuẫn giữa Hiệp ước và Quy chế]

Các quy định của Hiệp ước sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy định của Hiệp ước và các quy định trong Quy chế.

Điều 18

Sửa đổi; Nghị định thư

(1) [Sửa đổi]

Hiệp ước này có thể được hội nghị ngoại giao sửa đổi.

(2) [Nghị định thư]

Nhằm mục đích nâng cao hơn nữa sự hài hoà của pháp luật về nhãn hiệu, các nghị định thư có thể được hội nghị ngoại giao thông qua trong chừng mực các nghị định thư này không mâu thuẫn với các quy định của Hiệp ước này.

Điều 19

Trở thành thành viên của Hiệp ước

(1) [Tư cách]

Tuỳ thuộc vào các khoản (2) và (3) và các Điều 20(1) và 20(3), các chủ thể sau đây có thể ký kết và trở thành thành viên của Hiệp ước:

(i) mọi quốc gia thành viên Tổ chức mà nhãn hiệu có thể được đăng ký tại Cơ quan của quốc gia đó;

(ii) mọi tổ chức liên chính phủ có một Cơ quan mà tại đó nhãn hiệu có thể đăng ký với hiệu lực tại lãnh thổ thuộc phạm vi áp dụng điều ước thành lập tổ chức liên chính phủ đó, tại tất cả các quốc gia thành viên của tổ chức đó hoặc tại một số quốc gia thành viên được chỉ định theo mục đích đó, với điều kiện tất cả các quốc gia thành viên của tổ chức liên chính phủ đó là thành viên của Tổ chức;

(iii) mọi quốc gia thành viên của Tổ chức mà nhãn hiệu chỉ có thể được đăng ký thông qua Cơ quan của một quốc gia xác định khác là thành viên của Tổ chức;

(iv) mọi quốc gia thành viên của Tổ chức mà nhãn hiệu chỉ có thể được đăng ký thông qua Cơ quan thuộc một tổ chức liên chính phủ mà quốc gia đó là thành viên;

(v) mọi quốc gia thành viên của Tổ chức mà nhãn hiệu chỉ có thể được đăng ký thông qua một Cơ quan chung cho một nhóm quốc gia thành viên của Tổ chức.

(2) [Phê chuẩn hoặc tham gia]

Mọi chủ thể được nêu tại khoản (1) có thể nộp

(i) tài liệu phê chuẩn, nếu đã ký Hiệp ước này,

(ii) tài liệu tham gia, nếu chưa ký Hiệp ước này.

(3) [Ngày hiệu lực của việc nộp tài liệu]

(a) Phụ thuộc vào điểm (b), ngày hiệu lực của việc nộp tài liệu phê chuẩn hoặc tham gia là:

(i) ngày nộp tài liệu của một quốc gia, đối với Quốc gia được đề cập tại khoản (1)(i);

(ii) ngày nộp tài liệu của một tổ chức liên chính phủ, đối với tổ chức liên chính phủ;

(iii) ngày điều kiện sau đây đáp ứng: tài liệu của một quốc gia và tài liệu của một quốc gia xác định khác đã được nộp, đối với quốc gia được đề cập tại khoản (1)(iii);

(iv) ngày nêu tại điểm (ii) trên đây đối với quốc gia được đề cập tại khoản 1(iv);

(v) ngày mà toàn bộ các tài liệu của tất cả các quốc gia thành viên đã được nộp, đối với quốc gia thành viên thuộc một nhóm các quốc gia được đề cập tại khoản 1(v).

(b) Bất kỳ tài liệu phê chuẩn hoặc tham gia (trong điểm này gọi là "tài liệu") của một quốc gia cũng có thể được nộp kèm với một bản tuyên bố rằng điều kiện để tài liệu đó được coi là đã được nộp là tài liệu của một quốc gia khác hoặc một tổ chức liên chính phủ, hoặc các tài liệu của hai quốc gia khác, hoặc các tài liệu của một quốc gia khác hoặc một tổ chức liên chính phủ được xác định cụ thể bằng tên và có đủ tư cách để trở thành thành viên của Hiệp ước này cũng được nộp. Tài liệu có tuyên bố như vậy sẽ được coi là được nộp vào ngày mà điều kiện ghi trong tuyên bố được đáp ứng. Tuy nhiên, khi chính việc nộp một tài liệu đề cập trong tuyên bố được kèm theo tuyên bố tương tự, thì tài liệu đó sẽ được coi là được nộp vào ngày mà điều kiện ghi trong tuyên bố được đáp ứng.

(c) Bất kỳ tuyên bố nào nêu tại điểm (b) đều có thể được rút bỏ toàn bộ hoặc từng phần, vào bất cứ lúc nào. Việc rút bỏ đó sẽ có hiệu lực vào ngày Tổng Giám đốc nhận được thông báo về việc rút bỏ.

Điều 20

Ngày có hiệu lực của việc phê chuẩn hoặc tham gia

(1) [Các tài liệu được xem xét]

Với các mục đích của Điều này, chỉ có các tài liệu phê chuẩn hoặc tham gia do các chủ thể được đề cập tại Điều 19(1) nộp và có ngày hiệu lực theo Điều 19(3) mới được xem xét.

(2) [Ngày bắt đầu hiệu lực của Hiệp ước]

Hiệp ước này sẽ có hiệu lực sau ba tháng kể từ khi có 5 quốc gia nộp các tài liệu phê chuẩn hoặc tham gia.

(3) [Ngày có hiệu lực của việc phê chuẩn hoặc tham gia sau khi Hiệp ước có hiệu lực]

Mọi chủ thể không được đề cập tại khoản (2) trên đây sẽ trở thành thành viên của Hiệp ước này sau ba tháng kể từ ngày nộp tài liệu phê chuẩn hoặc gia nhập.

Điều 21

Bảo lưu

(1) [Các loại nhãn hiệu đặc biệt]

Không phụ thuộc vào Điều 2(1)(a) và (2)(2)(a), mọi quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ có thể đưa ra một tuyên bố bảo lưu rằng mọi quy định thuộc các Điều 3(1) và 3(2), 5, 7, 11 và 13 không áp dụng cho các nhãn hiệu liên kết, nhãn hiệu bảo vệ hoặc nhãn hiệu phái sinh. Việc bảo lưu này phải nêu rõ các điều khoản nào đã đề cập trên đây liên quan đến sự bảo lưu đó.

(2) [Phương thức]

Mọi sự bảo lưu theo khoản (1) trên đây sẽ được thực hiện bằng tuyên bố kèm theo tài liệu phê chuẩn hoặc tham gia Hiệp ước này của quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ có tuyên bố bảo lưu đó.

(3) [Rút bỏ]

Mọi sự bảo lưu theo khoản (1) trên đây có thể được rút bỏ bất kỳ lúc nào.

(4) [Cấm các bảo lưu khác]

Không được phép bảo lưu đối với Hiệp ước này ngoài sự bảo lưu được quy định tại khoản (1) trên đây.

Điều 22

Các điều khoản chuyển tiếp

(1) [Đơn đăng ký chung cho hàng hoá và dịch vụ thuộc nhiều nhóm; Tách đơn]

(a) Không phụ thuộc vào Điều 3(5), mọi quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ có thể quy định rằng mỗi đơn chỉ có thể được nộp cho Cơ quan cho hàng hoá hoặc dịch vụ thuộc cùng một nhóm của Bảng Phân loại Nice.

(b) Không phụ thuộc vào Điều 6, mọi quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ có thể quy định rằng hàng hoá và/hoặc dịch vụ thuộc nhiều nhóm của Bảng Phân loại Nice được đưa vào trong cùng một đơn sẽ dẫn đến hai hoặc nhiều đăng ký trong đăng bạ nhãn hiệu, với điều kiện mỗi đăng ký đó phải dẫn chiếu đến tất cả các đăng ký thuộc đơn đó.

(c) Mọi quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ đã đưa ra tuyên bố theo điểm (a), có thể tuyên bố rằng, không phụ thuộc vào Điều 7(1), không được tách đơn.

(2) [Giấy uỷ quyền chung cho nhiều đơn và/hoặc đăng ký]

Không phụ thuộc vào Điều 4(3)(b), mọi quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ đều có thể quy định rằng một giấy uỷ quyền chỉ có thể liên quan đến một đơn hoặc một đăng ký.

(3) [Cấm yêu cầu về xác nhận chữ ký trong Giấy uỷ quyền và chữ ký trong Đơn]

Không phụ thuộc vào Điều 8(4), mọi Quốc gia và các tổ chức liên chính phủ có thể quy định rằng chữ ký trong giấy uỷ quyền hoặc chữ ký của người nộp đơn trong đơn có thể buộc phải có chứng thực, công chứng, xác nhận, hợp pháp hoá hoặc chứng nhận.

(4) [Đơn yêu cầu chung cho nhiều đơn và/hoặc đăng ký liên quan đến sự thay đổi tên và/hoặc địa chỉ, thay đổi quyền sở hữu hoặc sửa chữa lỗi]

Không phụ thuộc vào Điều 10(1)(e), 10(2) và 10(3), Điều 11(1)(h) và 11(3) và Điều 12(1)(e) và 12(2), bất kỳ quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ nào cũng có thể quy định rằng đơn yêu cầu ghi nhận sự thay đổi tên và/hoặc địa chỉ, đơn yêu cầu ghi nhận thay đổi về quyền sở hữu và đơn yêu cầu sửa chữa lỗi, có thể chỉ liên quan đến một đơn hoặc một đăng ký.

(5) [Nộp tuyên bố và/hoặc chứng cứ liên quan đến việc sử dụng, trong trường hợp gia hạn]

Không phụ thuộc vào Điều 13(4)(iii), bất kỳ quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ nào cũng có thể quy định rằng trong trường hợp gia hạn, quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ đó sẽ yêu cầu nộp một tuyên bố và/hoặc chứng cứ liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu.

(6) [Xét nghiệm nội dung trong trường hợp gia hạn]

Không phụ thuộc vào Điều 13(6), bất kỳ một quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ nào cũng có thể quy định rằng trong lần gia hạn đầu tiên đối với đăng ký nhãn hiệu dịch vụ, Cơ quan có thể xét nghiệm nội dung đăng ký đó, với điều kiện việc xét nghiệm đó chỉ giới hạn ở việc loại trừ trường hợp nhiều đăng ký cấp trên cơ sở các đơn nộp trong thời gian 6 tháng sau ngày có hiệu lực của luật quốc gia hoặc tổ chức quy định khả năng đăng ký các nhãn hiệu dịch vụ trước ngày có hiệu lực của Hiệp ước này.

(7) [Các quy định chung]

(a) Một quốc gia hoặc một tổ chức liên chính phủ tuyên bố theo các khoản từ (1) đến (6) với điều kiện là tại thời điểm nộp tài liệu xin phê chuẩn hoặc tham gia Hiệp ước này, việc tiếp tục áp dụng luật của quốc gia hoặc tổ chức đó mà không tuyên bố như vậy sẽ mâu thuẫn với các quy định tương ứng của Hiệp ước này.

(b) Mọi tuyên bố theo các khoản từ (1) đến (6) sẽ kèm theo tài liệu phê chuẩn hoặc tham gia Hiệp ước này của Quốc gia hoặc tổ chức liên chính phủ đưa ra tuyên bố đó.

(c) Mọi tuyên bố theo các khoản từ (1) đến (6) có thể được rút bỏ vào bất cứ lúc nào.

(8) [Sự mất hiệu lực của tuyên bố]

(a) Phụ thuộc vào điểm (c), mọi tuyên bố theo các khoản từ (1) đến (6) của một quốc gia được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc coi là nước đang phát triển, hoặc của một tổ chức liên chính phủ mà mỗi thành viên là quốc gia như vậy sẽ mất hiệu lực sau 8 năm tính từ ngày Hiệp ước bắt đầu có hiệu lực.

(b) Phụ thuộc vào điểm (c), mọi tuyên bố theo các khoản từ (1) đến (6) của một quốc gia khác với quốc gia hoặc của một tổ chức liên chính phủ không thuộc trường hợp được đề cập trong mục (a), sẽ mất hiệu lực sau 6 năm kể từ ngày Hiệp ước bắt đầu có hiệu lực.

(c) Khi một tuyên bố theo các khoản từ (1) đến (6) không bị rút bỏ theo khoản (7)(c) hoặc không mất hiệu lực theo các mục (a) và (b) trước ngày 28 tháng 10 năm 2004, thì sẽ mất hiệu lực vào ngày 28 tháng 10 năm 2004.

(9) [Trở thành thành viên của Hiệp ước]

Không phụ thuộc vào Điều 19(1)(i), trước ngày 01 tháng 01 năm 2000, vào ngày thông qua Hiệp ước này, mọi quốc gia thành viên của Liên minh quốc tế (Paris) về Bảo hộ sở hữu công nghiệp mà không là thành viên của Tổ chức, có thể trở thành thành

viên của Hiệp ước nếu nhãn hiệu có thể được đăng ký với Cơ quan của quốc gia đó.

Điều 23

Tuyên bố bãi ước

(1) [Thông báo]

Bất kỳ Bên ký kết nào có thể bãi ước bằng một thông báo gửi cho Tổng Giám đốc.

(2) [Ngày hiệu lực]

Việc bãi ước sẽ có hiệu lực sau một năm tính từ ngày Tổng Giám đốc nhận được thông báo. Việc đó sẽ không ảnh hưởng đến việc áp dụng Hiệp ước này đối với bất kỳ đơn đang chờ xem xét nào hoặc bất kỳ nhãn hiệu nào đã được đăng ký liên quan đến Bên ký kết bãi ước, tại thời điểm kết thúc thời hạn 1 năm, với điều kiện sau khi kết thúc thời hạn 1 năm, Bên ký kết bãi ước có thể chấm dứt việc áp dụng Hiệp ước này đối với bất kỳ đăng ký nào kể từ ngày đăng ký đó đến hạn gia hạn.

Điều 24

Ngôn ngữ của Hiệp ước; Chữ ký

(1) [Các bản gốc và các bản chính thức]

(a) Hiệp ước này sẽ được ký một bản gốc bằng tiếng Anh, tiếng Ả Rập, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha, tất cả các bản đều có giá trị như nhau.

(b) Theo yêu cầu của một Bên ký kết, một bản chính thức bằng một thứ tiếng không được đề cập tại điểm (a) nhưng là một ngôn ngữ chính thức của quốc gia đó, sẽ được Tổng Giám đốc thực hiện sau khi tham khảo ý kiến quốc gia thành viên đó và bất kỳ quốc gia thành viên nào khác quan tâm.

(2) [Thời hạn ký kết]

Hiệp ước này sẽ để ngỏ cho việc ký kết tại trụ sở của Tổ chức trong thời hạn 1 năm sau khi thông qua.

Điều 25

Lưu giữ

Tổng Giám đốc sẽ lưu giữ Hiệp ước này.

Quy chế thi hành Hiệp ước Luật Nhãn hiệu hàng hoá

(Thông qua tại Geneva ngày 27.10.1994)

Danh mục các quy tắc

- Quy tắc 1: Thuật ngữ viết tắt*
- Quy tắc 2: Cách nêu tên và địa chỉ*
- Quy tắc 3: Quy định chi tiết liên quan đến Đơn*
- Quy tắc 4: Quy định chi tiết liên quan đến Đại diện*
- Quy tắc 5: Quy định chi tiết liên quan đến Ngày nộp đơn*
- Quy tắc 6: Quy định chi tiết liên quan đến Chữ ký*
- Quy tắc 7: Cách nhận biết một đơn không có số đơn*
- Quy tắc 8: Quy định chi tiết liên quan đến Thời hạn hiệu lực và Gia hạn*

Danh mục các Mẫu Tờ khai quốc tế

- Mẫu số 1 Đơn đăng ký nhãn hiệu*
- Mẫu số 2 Giấy uỷ quyền*
- Mẫu số 3 Đơn yêu cầu ghi nhận sự thay đổi về tên và/hoặc địa chỉ*
- Mẫu số 4 Đơn yêu cầu ghi nhận sự thay đổi quyền sở hữu đăng ký và/hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu*
- Mẫu số 5 Giấy chứng nhận việc chuyển giao đăng ký và/hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu*
- Mẫu số 6 Văn bản chuyển giao đăng ký và/hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu*
- Mẫu số 7 Đơn yêu cầu sửa chữa lỗi của đăng ký và/hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu*
- Mẫu số 8 Đơn yêu cầu gia hạn đăng ký*

Quy tắc 1

Thuật ngữ viết tắt

(1) ["Hiệp ước"; "Điều"]

(a) Trong Quy chế này, từ "Hiệp ước" là Hiệp ước Luật Nhân hiệu hàng hoá

(b) Trong Quy chế này, từ "Điều" liên quan đến Điều được nêu rõ trong Hiệp ước.

(2) [Thuật ngữ viết tắt dùng trong Hiệp ước]

Các thuật ngữ viết tắt dùng cho Hiệp ước nêu tại Điều 1 sẽ có cùng nghĩa như vậy khi dùng trong Quy chế.

Quy tắc 2

Cách nêu tên và địa chỉ

(1) [Tên]

(a) Trong trường hợp cần phải nêu tên của một người, bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể yêu cầu,

(i) nếu người đó là một cá nhân, tên phải nêu là họ hoặc tên chính và tên (các tên) gọi hoặc tên (các tên) phụ của người đó, hoặc tên phải nêu là tên hoặc các tên thường dùng của người đó, tùy theo sự lựa chọn của người đó;

(ii) nếu người đó là một pháp nhân, tên phải nêu là tên đầy đủ chính thức của pháp nhân đó.

(b) Trong trường hợp cần nêu tên đại diện là một công ty hoặc liên danh, bất kỳ Bên ký kết nào cũng phải chấp nhận việc nêu tên thường dùng của công ty hoặc các đối tác.

(2) [Địa chỉ]

(a) Trong trường hợp cần nêu địa chỉ của một người, bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng địa chỉ đó phải được nêu bằng một cách phù hợp với các yêu cầu thông thường để chuyển phát được ngay theo đường bưu điện tới địa chỉ đó và, trong bất kỳ trường hợp nào, phải bao gồm tất cả các đơn vị hành chính liên quan, cho đến số nhà hoặc số toà nhà, nếu có.

(b) Trong trường hợp một tài liệu giao dịch với Cơ quan của một Bên ký kết do hai hoặc nhiều người đứng tên với các địa chỉ khác nhau, thì Bên ký kết đó có thể yêu cầu rằng tài liệu giao dịch đó phải nêu một địa chỉ duy nhất để liên lạc.

(c) Việc nêu một địa chỉ có thể bao gồm cả số điện thoại, số fax và một địa chỉ khác với địa chỉ được nêu theo điểm (a) trên đây để liên lạc.

(d) Với những sửa đổi thích hợp, các điểm (a) và (c) cũng được áp dụng đối với địa chỉ giao dịch.

(3) [Chữ viết phải sử dụng]

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể yêu cầu rằng bất kỳ chỉ dẫn nào quy định tại các khoản (1) và (2) phải được trình bày theo chữ viết mà Cơ quan sử dụng.

Quy tắc 3

Quy định chi tiết liên quan đến Đơn

(1) [Các ký tự chuẩn]

Căn cứ vào Điều 3(1)(a)(ix), trường hợp đơn có tuyên bố rằng người nộp đơn đề nghị đăng ký và công bố nhãn hiệu bằng các ký tự chuẩn do Cơ quan của Bên ký kết sử dụng, thì Cơ quan đó sẽ đăng ký và công bố nhãn hiệu đó bằng các ký tự chuẩn này.

(2) [Số lượng mẫu nhãn hiệu]

(a) Trường hợp đơn không có tuyên bố của người nộp đơn yêu cầu bảo hộ màu sắc như là một đặc điểm phân biệt nhãn hiệu, thì một Bên ký kết không được yêu cầu nhiều hơn

(i) năm mẫu nhãn hiệu dưới dạng đen trắng, nếu luật pháp của Bên ký kết đó đơn không cho phép đề nghị hoặc người nộp đơn không đề nghị Cơ quan của Bên ký kết đó đăng ký và công bố nhãn hiệu bằng các ký tự chuẩn của mình;

(ii) một mẫu nhãn hiệu dưới dạng đen trắng, nếu trong đơn người nộp đơn đề nghị Cơ quan của Bên ký kết đó đăng ký và công bố nhãn hiệu bằng ký tự chuẩn của mình.

(b) Trong trường hợp trong đơn người nộp đơn yêu cầu bảo hộ màu sắc như là một đặc điểm phân biệt nhãn hiệu, thì một Bên ký kết không được yêu cầu nhiều hơn năm mẫu nhãn hiệu dưới dạng đen trắng và năm mẫu nhãn hiệu màu.

(3) [Mẫu nhãn hiệu ba chiều]

(a) Căn cứ vào Điều 3(1)(a)(xi), trường hợp trong đơn có tuyên bố rằng nhãn hiệu là nhãn hiệu ba chiều, thì mẫu nhãn hiệu sẽ là hình vẽ hai chiều hoặc ảnh chụp.

(b) Theo lựa chọn của người nộp đơn, mẫu nhãn hiệu nộp theo điểm (a) có thể là hình vẽ hoặc ảnh chụp nhãn hiệu dưới một góc độ hoặc nhiều góc độ khác nhau.

(c) Trong trường hợp Cơ quan cho rằng mẫu của nhãn hiệu do người nộp đơn nộp theo điểm (a) không đủ thể hiện các đặc điểm nhãn hiệu ba chiều, thì có thể thông báo để người nộp đơn, trong một thời gian hợp lý ấn định trong thông báo, phải nộp nhiều nhất là sáu hình vẽ hoặc ảnh chụp nhãn hiệu dưới góc độ khác nhau và/hoặc một bản mô tả bằng từ ngữ nhãn hiệu đó.

(d) Trong trường hợp Cơ quan cho rằng các góc độ khác nhau và/hoặc mô tả bằng từ ngữ nhãn hiệu như nêu trong điểm (c) vẫn không đủ thể hiện các đặc điểm của nhãn hiệu ba chiều, thì có thể thông báo để người nộp đơn, trong một thời gian hợp lý ấn định trong thông báo, phải nộp một mẫu vật của nhãn hiệu.

(e) Với những sửa đổi thích hợp, khoản (2)(a)(i) và (b) sẽ được áp dụng.

(4) [Phiên âm nhãn hiệu]

Trong khuôn khổ Điều 3(1)(a)(xiii), trường hợp nhãn hiệu là hoặc chứa chữ viết hoặc các chữ số khác với chữ viết hoặc các chữ số mà Cơ quan sử dụng, thì có thể yêu cầu nộp bản phiên âm sang các chữ viết và chữ số mà Cơ quan sử dụng.

(5) [Bản dịch nhãn hiệu]

Trong khuôn khổ Điều 3(1)(a)(xiv), trường hợp nhãn hiệu là hoặc chứa một hoặc một số từ bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ, hoặc không phải là một trong số các ngôn ngữ được Cơ quan chấp nhận, thì có thể yêu cầu nộp bản dịch các từ đó sang ngôn ngữ hoặc một trong số các ngôn ngữ đó.

(6) [Thời hạn cung cấp các chứng cứ về việc thực sự sử dụng nhãn hiệu]

Thời hạn quy định tại Điều 3(6) không được ngắn hơn sáu tháng tính từ ngày Cơ quan của Bên ký kết nơi đơn đó được nộp chấp nhận đơn. Người nộp đơn hoặc chủ thể quyền sẽ có quyền gia hạn thời hạn đó nhiều lần mỗi lần sáu tháng nhưng tổng thời gian gia hạn không quá hai năm rưỡi, tùy thuộc vào các điều kiện do luật pháp của Bên ký kết đó quy định.

Quy tắc 4

Quy định chi tiết liên quan đến Đại diện

Thời hạn nêu tại Điều 4(3)(d) sẽ được tính từ ngày Cơ quan của Bên ký kết có liên quan nhận được tài liệu giao dịch đề cập tại Điều đó và sẽ không ít hơn một tháng nếu địa chỉ người được đại diện nộp tài liệu giao dịch thuộc lãnh thổ của Bên ký kết đó và không ít hơn hai tháng nếu địa chỉ đó không thuộc lãnh thổ của Bên ký kết.

Quy tắc 5

Quy định chi tiết liên quan đến Ngày nộp đơn

(1) [Thủ tục trong trường hợp Đơn không đáp ứng yêu cầu]

Nếu đơn không đáp ứng các yêu cầu tương ứng của Điều 5(1)(a) hoặc (2)(a) tại thời điểm đơn đó được Cơ quan tiếp nhận, thì Cơ quan lập tức thông báo người nộp đơn sửa chữa thiếu sót để đáp ứng các yêu cầu đó trong thời hạn ấn định trong thông báo, thời hạn đó ít nhất là một tháng tính từ ngày thông báo, nếu người nộp đơn có địa chỉ trong lãnh thổ của Bên ký kết có liên quan hoặc ít nhất là hai tháng người nộp đơn có địa chỉ nằm ngoài lãnh thổ của Bên ký kết có liên quan. Người sửa chữa thiếu sót theo thông báo có thể phải nộp lệ phí riêng biệt. Thậm chí nếu Cơ quan không thông báo, thì vẫn phải đáp ứng các yêu cầu nêu trên.

(2) [Ngày nộp đơn trong trường hợp sửa chữa]

Nếu trong thời hạn ấn định trong thông báo người nộp đơn sửa chữa thiếu sót theo thông báo đề cập tại khoản (1) và nộp mọi khoản lệ phí theo yêu cầu, thì ngày nộp đơn sẽ là ngày mà Cơ quan nhận được tất cả các thông tin và tài liệu quy định tại Điều 5(1)(a) và lệ phí quy định tại Điều 5(2)(a) được nộp cho Cơ quan. Ngoài ra, đơn sẽ được xử lý như là một đơn mới.

(3) [Ngày tiếp nhận]

Mỗi Bên ký kết được tự do quy định các điều kiện công nhận rằng tài liệu hoặc lệ phí đã được nộp cho Cơ quan trong các trường hợp tài liệu hoặc lệ phí được nộp cho

- (i) một chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Cơ quan,
- (ii) một Cơ quan quốc gia đại diện cho Cơ quan của Bên ký kết trong trường hợp Bên ký kết đó là một tổ chức liên chính phủ như đề cập tại Điều 19(1)(ii),
- (iii) một dịch vụ bưu điện chính thức,
- (iv) một dịch vụ chuyển phát khác không phải bưu điện, do Bên ký kết quy định.

(4) [Sử dụng Fax]

Trong trường hợp một Bên ký kết cho phép nộp đơn bằng fax và đơn được nộp bằng fax, ngày Cơ quan của Bên ký kết đó nhận được bản fax sẽ là ngày nhận được đơn, với điều kiện Bên ký kết đó có thể yêu cầu rằng bản gốc của đơn đó phải được nộp cho Cơ quan trong một thời hạn ít nhất một tháng tính từ ngày Cơ quan nhận được bản fax đó.

Quy tắc 6

Quy định chi tiết liên quan đến Chữ ký

(1) [Pháp nhân]

Trong trường hợp tài liệu giao dịch được ký nhân danh một pháp nhân, bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể yêu cầu rằng chữ ký, hoặc con dấu của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng phải được ghi kèm theo họ hoặc tên chính và tên gọi hoặc tên phụ, hoặc theo sự lựa chọn của người đó là tên hoặc các tên thường dùng của người đó.

(2) [Liên lạc bằng fax]

Thời hạn đề cập tại Điều 8(2)(b) sẽ không ít hơn một tháng tính từ ngày nhận được fax đó.

Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể yêu cầu rằng một chữ ký hoặc con dấu phải ghi kèm với ngày ký hoặc đóng dấu. Trường hợp yêu cầu như vậy không được đáp ứng, thì ngày ký hoặc đóng dấu được coi là ngày Cơ quan nhận được tài liệu giao dịch với chữ ký hoặc con dấu đó hoặc, nếu Bên ký kết cho phép, là một ngày sớm hơn ngày nhận được tài liệu.

Quy tắc 7

Cách nhận biết một đơn không có số đơn

(1) [Cách nhận biết]

Trong trường hợp yêu cầu xác định đơn bằng số đơn nhưng số đơn chưa được ghi nhận hoặc người nộp đơn hay đại diện không biết số đơn, thì đơn đó được coi là xác định nếu các thông tin sau được cung cấp:

- (i) số đơn tạm thời mà Cơ quan ghi nhận, nếu có, hoặc
- (ii) một bản sao của đơn, hoặc

(iii) một mẫu nhãn hiệu, kèm theo ngày mà theo kiến thức tốt nhất của người nộp đơn hoặc đại diện đơn được Cơ quan nhận và một số hiệu nhận biết đơn của người nộp đơn hoặc đại diện.

(2) [Cấm những yêu cầu khác]

Không một Bên ký kết nào được phép đưa ra các yêu cầu ngoài các yêu cầu được nêu tại khoản (1) nhằm nhận biết một đơn trong trường hợp số đơn chưa được ghi nhận hoặc người nộp đơn hay đại diện không biết số đơn.

Quy tắc 8

Quy định chi tiết liên quan đến Thời hạn hiệu lực và Gia hạn

Liên quan đến Điều 13(1)(c), thời hạn nộp đơn yêu cầu gia hạn và lệ phí gia hạn sẽ bắt đầu ít nhất sáu tháng trước khi đến hạn gia hạn và kết thúc sớm nhất sáu tháng sau ngày đó. Bất kỳ Bên ký kết nào cũng có thể quy định rằng nếu đơn yêu cầu gia hạn và/hoặc lệ phí gia hạn được nộp sau ngày đến hạn phải nộp thêm phụ phí.

Mẫu đơn quốc tế số 1

Đơn đăng ký nhãn hiệu
nộp cho Cơ quan ngày

Phận định riêng cho C- quan

*Số hiệu để nhận biết đơn của người nộp đơn: *... ..
... ..*

Số hiệu để nhận biết đơn của đại diện :*... ..

1. Yêu cầu đăng ký

Đơn này yêu cầu đăng ký nhãn hiệu mô tả trong Đơn.

2. Người nộp đơn

2.1 Nếu người nộp đơn là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính:*

(b) tên gọi hoặc tên phụ:*

2.2 Nếu người nộp đơn là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

2.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại: (bao gồm cả mã vùng)	Số fax: (bao gồm cả mã vùng)
----------------------------------------	---------------------------------

2.4 Quốc tịch:

Quốc gia thường trú:

Quốc gia nơi có cơ sở kinh doanh:**

2.5 Trường hợp người nộp đơn là một pháp nhân, nêu

- bản chất pháp lý của pháp nhân

- Quốc gia, và, nếu thích hợp, đơn vị lãnh thổ của quốc gia mà theo pháp luật ở đó pháp nhân đó được thành lập

2.6 Đánh dấu vào ô này nếu có nhiều người nộp đơn, trong trường hợp đó, liệt kê danh sách những người này vào một tờ bổ sung và khai các thông tin ở các điểm 2.1 hoặc 2.2, 2.3, 2.4 và 2.5 đối với từng người.***

3. Đại diện

3.1 Người nộp đơn không có Đại diện.

3.2 Người nộp đơn có Đại diện

3.2.1 Thông tin về Đại diện

3.2.1.1 Tên:

3.2.1.2 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại: (bao gồm cả mã vùng) Số fax: (bao gồm cả mã vùng)

3.2.2 Giấy uỷ quyền đã được nộp cho Cơ quan. Số hiệu: *

3.2.3 Giấy uỷ quyền được nộp cùng với đơn.

3.2.4 Giấy uỷ quyền sẽ được nộp sau.

3.2.5 Không cần giấy uỷ quyền.

4. Địa chỉ giao dịch: **

5. Yêu cầu hưởng quyền ưu tiên

Người nộp đơn yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo các căn cứ sau:

5.1 Quốc gia (Cơ quan) nộp đơn đầu tiên: *

5.2 Ngày nộp đơn đầu tiên:

5.3 Số đơn đầu tiên (nếu có):

5.4 Bản sao có xác nhận của đơn ưu tiên**

5.4.1 được nộp cùng với đơn.

5.4.2 sẽ được nộp trong thời hạn 3 tháng tính từ ngày nộp đơn này.

5.5 Bản dịch của bản sao có xác nhận

5.5.1 được nộp cùng với đơn.

5.5.2 sẽ được nộp trong thời hạn 3 tháng tính từ
ngày nộp đơn này

5.6 Đánh dấu vào ô này nếu yêu cầu hưởng quyền ưu tiên của nhiều đơn ưu tiên; trường hợp đó, liệt kê các đơn ưu tiên vào một tờ bổ sung và điền các thông tin nêu ở các điểm 5.1, 5.2, 5.3, 5.4 và 5.5 và các hàng hoá và/hoặc dịch vụ liên quan đến từng đơn.

6. Đăng ký ở Quốc gia (Cơ quan) xuất xứ *

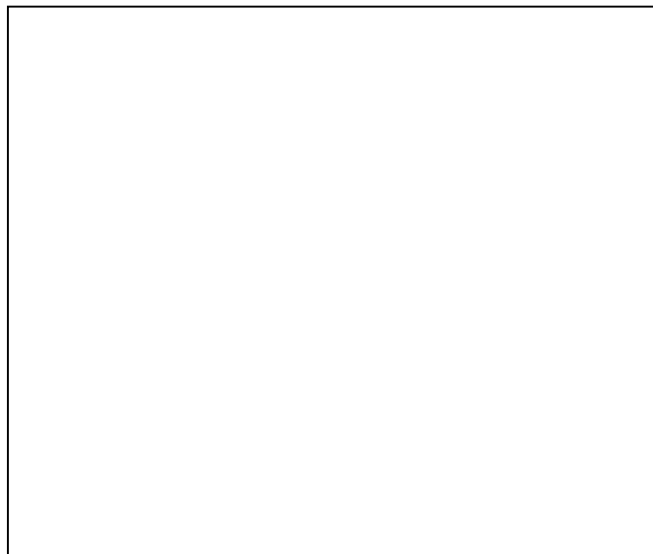
Giấy chứng nhận đăng ký ở Quốc gia (Cơ quan) xuất xứ được nộp cùng đơn này.

7. Bảo hộ trên cơ sở trưng bày triển lãm

Đánh dấu vào ô này nếu người nộp đơn đề nghị được hưởng sự bảo hộ trên cơ sở trưng bày triển lãm hàng hoá và/hoặc dịch vụ này. Trường hợp đó, nêu các thông tin chi tiết vào một tờ bổ sung.

8. Mẫu nhãn hiệu

(8 cm x 8 cm)



8.1 Người nộp đơn đề nghị Cơ quan đăng bạ và công bố nhãn hiệu theo ký tự chuẩn mà Cơ quan sử dụng.*

8.2 Yêu cầu bảo hộ màu sắc như một đặc điểm phân biệt các nhãn hiệu.

8.2.1 Tên của màu sắc yêu cầu bảo hộ:

8.2.2 Các phần chủ yếu của nhãn hiệu được trình bày bằng (các) màu sắc đó:

8.3 Nhãn hiệu là nhãn hiệu ba chiều

...** hình ảnh vẽ hoặc ảnh chụp nhãn hiệu dưới góc độ khác nhau được nộp cùng với đơn này.

8.4 ...*** mẫu nhãn hiệu dưới dạng đen trắng được nộp cùng với đơn này.

8.5 ...*** mẫu nhãn hiệu dưới dạng màu được nộp cùng với đơn này.

9. Bản phiên âm của nhãn hiệu

Nhãn hiệu hoặc một phần của nhãn hiệu được phiên âm như sau:

10. Bản dịch của nhãn hiệu

Nhãn hiệu hoặc một phần của nhãn hiệu được dịch như sau:

11. Hàng hoá và/hoặc dịch vụ

Tên của hàng hoá và/hoặc dịch vụ*

Đánh dấu vào ô này nếu phần trống ở trên không đủ, trong trường hợp đó thì nêu tên hàng hoá và/hoặc dịch vụ vào một tờ bổ sung.

12. Tuyên bố về ý định sử dụng hoặc việc thực sự sử dụng; Chứng cứ về việc thực sự sử dụng

12.1 Đánh dấu vào ô này nếu bản tuyên bố được nộp cùng với đơn

12.2 Đánh dấu vào ô này nếu chứng cứ về việc thực sự sử dụng được nộp cùng với đơn

13. Các yêu cầu liên quan đến ngôn ngữ

Đánh dấu vào ô này nếu có tài liệu kèm theo đơn nhằm đáp ứng yêu cầu về ngôn ngữ của Cơ quan. **

14. Chữ ký hoặc con dấu

14.1 Tên của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng:

14.2 Đánh dấu vào ô thích hợp với việc chữ ký hoặc con dấu được sử dụng nhân danh

14.2.1 người nộp đơn

14.2.2 Đại diện

14.3 Ngày ký tên hoặc đóng dấu:

14.4 Chữ ký hoặc con dấu:

15. Lệ phí:

15.1 Loại tiền và tổng số lệ phí phải nộp liên quan đến đơn này:

15.2 Phương thức thanh toán:

16. Các tờ bổ sung và tài liệu kèm theo:

Đánh dấu vào ô này nếu có các tờ bổ sung và/hoặc tài liệu kèm theo và ghi tổng số tờ bổ sung và/hoặc tài liệu đó:

Mẫu đơn quốc tế số 2

Giấy uỷ quyền

cho các thủ tục trước Cơ quan của

Phần định riêng cho Cơ quan

*Số hiệu để nhận biết Giấy uỷ quyền của người uỷ quyền: *... ..*

1. Sự uỷ quyền

Người ký tên dưới đây uỷ quyền cho người có tên ở điểm 3 làm Đại diện của mình.

2. Tên của người uỷ quyền**

3. Đại diện

3.1 Tên:

3.2 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại:
(bao gồm cả mã vùng)

Số fax:
(bao gồm cả mã vùng)

4. Đơn và/hoặc Đăng ký liên quan

Giấy uỷ quyền này liên quan đến:

4.1 tất cả các đơn và/hoặc đăng ký hiện tại và trong tương lai của người uỷ quyền, trừ các ngoại lệ nêu trong tờ bổ sung.

4.2 các đơn và/hoặc đăng ký sau:

4.2.1 đơn liên quan đến nhãn hiệu sau:*

4.2.2 đơn có các số đơn** cũng như bất kỳ đăng ký nào được cấp theo các đơn đó:

4.2.3 đăng ký có số đăng ký là:

4.2.4 Nếu các mục 4.2.1, 4.2.2 hoặc 4.2.3 không đủ chỗ thì đánh dấu vào ô này và cung cấp các thông tin vào một tờ bổ sung.

5. Phạm vi uỷ quyền

5.1 Đánh dấu vào ô này nếu Đại diện có quyền đại diện trong mọi thủ tục, bao gồm cả các thủ tục sau đây trong trường hợp người uỷ quyền là người nộp đơn hoặc chủ thể quyền

5.1.1 rút đơn

5.1.2 từ bỏ đăng ký

5.2 Đánh dấu vào ô này nếu Đại diện không có quyền đại diện trong tất cả các thủ tục và ghi rõ ở đây hoặc ở một tờ bổ sung các thủ tục không được đại diện:

6. Chữ ký hoặc con dấu:

6.1 Tên của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng:

6.2 Ngày ký tên hoặc đóng dấu:

6.3 Chữ ký hoặc con dấu:

7. Các tờ bổ sung và tài liệu kèm theo:

Đánh dấu vào ô này, nếu có các tờ bổ sung và/hoặc tài liệu kèm, và ghi tổng số tờ bổ sung và/hoặc tài liệu đó:

Mẫu đơn quốc tế số 3

Đơn yêu cầu ghi nhận thay đổi về tên hoặc địa chỉ
đối với đăng ký và/hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu

nộp cho Cơ quan của

Phận định riêng cho Cơ quan

<p>Số hiệu nhận biết của chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn:*</p> <p>Số hiệu nhận biết của đại diện:*</p>

1. Yêu cầu ghi nhận

Đơn này yêu cầu

ghi nhận những thay đổi nêu trong Đơn.

2. Đăng ký và/hoặc đơn liên quan

Đơn yêu cầu này liên quan đến (các) đăng ký và/hoặc đơn sau:

2.1 Số đăng ký:

2.2 Số đơn:**

2.3 Nếu phần 2.1 hoặc 2.2 không đủ chỗ, thì đánh dấu vào ô này và cung cấp các thông tin vào một tờ bổ sung

3. Chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn

3.1 Nếu chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính của người đó:*

(b) tên gọi hoặc tên phụ của người đó:*

3.2 Nếu chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

3.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại: (bao gồm cả mã vùng)	Số fax: (bao gồm cả mã vùng)
----------------------------------------	---------------------------------

3.4 Đánh dấu vào ô này nếu có nhiều chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn; trong trường hợp đó, liệt kê danh sách những người này vào một tờ bổ sung và khai các thông tin đề cập đến tại các mục 3.1 hoặc 3.2 và 3.3 liên quan đến từng người.

4. Đại diện

4.1 Tên:

4.2 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước)

Số điện thoại: (bao gồm cả mã vùng)	Số fax: (bao gồm cả mã vùng)
----------------------------------------	---------------------------------

4.3 Số hiệu của giấy uỷ quyền:**

5. Địa chỉ giao dịch

6. Nêu các thay đổi

6.1 Các thông tin bị thay đổi:

Các thông tin thay thế: *

6.2 Đánh dấu vào ô này nếu khoảng trống ở trên không đủ; trong trường hợp đó, ghi vào một tờ bổ sung các thông tin bị thay đổi và các thông tin thay thế.

7. Chữ ký hoặc con dấu

7.1 Tên của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng:

7.2 Đánh dấu vào ô thích hợp mà chữ ký hoặc con dấu được sử dụng nhân danh

7.2.1 chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn

7.2.2 đại diện.

7.3 Ngày ký tên hoặc đóng dấu:

7.4 Chữ ký hoặc đóng dấu:

8. Lệ phí

8.1 Loại tiền tệ và tổng số lệ phí phải nộp liên quan đến đơn yêu cầu ghi nhận sự thay đổi này:

8.2 Phương thức thanh toán:

9. Các tờ bổ sung và tài liệu kèm theo

Đánh dấu vào ô này nếu có các tờ bổ sung và/hoặc tài liệu kèm theo và ghi tổng số tờ bổ sung và/hoặc tài liệu đó:

Mẫu đơn quốc tế số 4

Đơn yêu cầu ghi nhận thay đổi quyền sở hữu
đối với đăng ký và/hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu
nộp cho Cơ quan của

Phận định riêng cho Cơ quan

Số hiệu nhận biết của chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn:*
Số hiệu nhận biết của đại diện:*

1. Yêu cầu ghi nhận

Đơn này yêu

cầu ghi nhận sự thay đổi về quyền sở hữu nêu trong Đơn.

2. Đăng ký và/hoặc đơn liên quan

Đơn yêu cầu này liên quan đến (các) đăng ký và/hoặc đơn sau:

2.1 Số đăng ký:

2.2 Số đơn:**

2.3 Nếu phần 2.1 hoặc 2.2 không đủ chỗ, thì đánh dấu vào ô này và cung cấp các thông tin vào một tờ bổ sung.

3. Hàng hoá và/hoặc Dịch vụ liên quan đến sự thay đổi

3.1 Đánh dấu vào ô này nếu tất cả hàng hoá và/hoặc dịch vụ được liệt kê trong đơn và/hoặc đăng ký nêu ở mục 2 liên quan đến sự thay đổi.

3.2 Đánh dấu vào ô này nếu mục 2 chỉ đề cập đến một đơn hoặc một đăng ký và chỉ có một số hàng hoá và/hoặc dịch vụ liệt kê trong đơn hoặc

đăng ký đó liên quan đến sự thay đổi và nêu những hàng hoá và/hoặc dịch vụ sẽ thuộc đơn hoặc đăng ký của chủ sở hữu mới (trong trường hợp này những hàng hoá và/hoặc dịch vụ không được nêu vẫn thuộc đơn hoặc đăng ký của người nộp đơn hoặc chủ thể quyền):

- 3.3 Đánh dấu vào ô này nếu mục 2 đề cập đến nhiều đơn hoặc đăng ký và nếu đối với ít nhất một trong số đó sự thay đổi chỉ liên quan tới một số trong các hàng hoá và/hoặc dịch vụ được liệt kê. Trong trường hợp này, khai vào một tờ bổ sung riêng biệt từng đơn và/hoặc đăng ký, nêu rõ sự thay đổi liên quan đến tất cả các hàng hoá và/hoặc dịch vụ hay chỉ một số trong số đó. Đối với bất kỳ đơn hoặc đăng ký nào mà sự thay đổi chỉ liên quan đến một số hàng hoá và/hoặc dịch vụ thì khai theo cách đã nêu ở mục 3.2.
-

4. Cơ sở thay đổi quyền sở hữu

- 4.1 Thay đổi quyền sở hữu trên cơ sở hợp đồng.

Kèm theo một trong số các tài liệu sau:

- 4.1.1 một bản sao hợp đồng, có xác nhận sao y bản gốc của hợp đồng.
- 4.1.2 một bản trích sao hợp đồng, có xác nhận về tính xác thực của bản trích sao đó
- 4.1.3 một chứng nhận chuyển giao
- 4.1.4 một tài liệu chuyển giao

- 4.2 Thay đổi quyền sở hữu trên cơ sở sáp nhập

Kèm theo một bản sao có xác nhận là sao y bản gốc của các tài liệu sau chứng minh việc sáp nhập:

- 4.2.1 bản trích sao đăng ký kinh doanh.
- 4.2.2 tài liệu khác của cơ quan có thẩm quyền.

4.3 Thay đổi quyền sở hữu không dựa trên cơ sở hợp đồng hoặc sáp nhập

4.3.1 một bản sao có xác nhận sao y bản gốc của tài liệu chứng minh việc thay đổi đó được nộp kèm theo.

5. Chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn

5.1 Nếu chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính của người đó:*

(b) tên gọi hoặc tên phụ của người đó:*

5.2 Nếu chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

5.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại:
(bao gồm cả mã vùng)

Số fax:
(bao gồm cả mã vùng)

5.4 Đánh dấu vào ô này nếu có nhiều chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn liên quan đến sự thay đổi; trong trường hợp đó, liệt kê danh sách những người này vào một tờ bổ sung và đối với từng khai các thông tin đề cập đến tại các mục 5.1 hoặc 5.2 và 5.3.

5.5 Đánh dấu vào ô này nếu chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn, hoặc một trong số các chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn đổi tên và/hoặc địa chỉ mà không yêu cầu ghi nhận sự thay đổi và nộp cùng với một văn bản chứng minh rằng người đó đã chuyển quyền sở hữu và chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn cùng là một người.

6. Đại diện của Chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn

6.1 Tên:

6.2 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước)

Số điện thoại:
(bao gồm cả mã vùng)

Số fax:
(bao gồm cả mã vùng)

6.3 Số hiệu của giấy uỷ quyền:**

7. Địa chỉ giao dịch của Chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn

8. Chủ sở hữu mới:

8.1 Nếu chủ sở hữu mới là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính của người đó:*

(b) tên gọi hoặc tên phụ của người đó:*

8.2 Nếu chủ sở hữu mới là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

8.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại:

(bao gồm cả mã vùng)

Số fax:

(bao gồm cả mã vùng)

8.4 Quốc tịch:

Quốc gia thường trú:

Quốc gia nơi có cơ sở kinh doanh:**

8.5 Trường hợp chủ sở hữu mới là một pháp nhân, nêu

- bản chất pháp lý của pháp nhân:

- quốc gia, và, nếu thích hợp, đơn vị lãnh thổ của quốc gia mà theo pháp luật ở đó pháp nhân đó được thành lập:

8.6 Đánh dấu vào ô này nếu có nhiều chủ sở hữu mới; trong trường hợp đó, liệt kê danh sách những người này vào một tờ bổ sung và khai các thông tin đề cập tại các mục 8.1 hoặc 8.2, 8.3, 8.4 và 8.5 đối với từng người.***

9. Đại diện của chủ sở hữu mới

9.1 Chủ sở hữu mới không có đại diện.

9.2 Chủ sở hữu mới có đại diện

9.2.1. Thông tin về đại diện

9.2.1.1 Tên:

9.2.1.2 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại: Số fax:
(bao gồm cả mã vùng) (bao gồm cả mã vùng)

9.2.2.1 Giấy uỷ quyền đã được nộp cho Cơ quan.

Số hiệu: *

9.2.3 Giấy uỷ quyền được nộp cùng với đơn.

9.2.4 Giấy uỷ quyền sẽ được nộp sau.

9.2.5 Không cần giấy uỷ quyền.

10. Địa chỉ giao dịch của Chủ sở hữu mới**

11. Chữ ký hoặc con dấu

11.1 Tên của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng:

11.2 Đánh dấu vào ô thích hợp mà chữ ký hoặc con dấu được sử dụng nhân danh

11.2.1 chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn

11.2.2 chủ sở hữu mới

11.2.3 người đại diện.

11.3 Ngày ký tên hoặc đóng dấu:

11.4 Chữ ký hoặc đóng dấu:

12. Lệ phí

12.1 Loại tiền tệ và tổng số lệ phí phải nộp liên quan đến đơn yêu cầu ghi nhận sự thay đổi quyền sở hữu này:

12.2 Phương thức thanh toán:

13. Các tờ bổ sung và/hoặc tài liệu kèm theo

Đánh dấu vào ô này nếu có các tờ bổ sung và/hoặc tài liệu kèm theo được nộp cùng và ghi tổng số tờ bổ sung và/hoặc tài liệu đó:

Mẫu đơn quốc tế số 5

Giấy chứng nhận chuyển giao
đối với đăng ký và/hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu
nộp cho Cơ quan của

Phận định riêng cho Cơ quan

1. Chứng nhận

(Những) người chuyển giao và (những) người nhận chuyển giao ký dưới đây chứng nhận rằng quyền sở hữu đối với đăng ký và/hoặc đơn được mô tả dưới đây được chuyển giao bằng hợp đồng.

2. Đăng ký và/hoặc đơn liên quan

Giấy chứng nhận này liên quan đến việc chuyển giao (các) đăng ký và/hoặc đơn sau:

2.1 Số đăng ký:

2.2 Số đơn:*

2.4 Nếu phần 2.1 hoặc 2.2 không đủ chỗ, thì đánh dấu vào ô này và cung cấp các thông tin vào một tờ bổ sung.

3. Hàng hoá và/hoặc Dịch vụ liên quan đến sự chuyển giao

3.1 Đánh dấu vào ô này nếu sự chuyển giao liên quan đến tất cả hàng hoá và/hoặc dịch vụ được liệt kê trong đơn và/hoặc đăng ký được nêu ở mục 2.

- 3.2 Đánh dấu vào ô này nếu mục 2 chỉ đề cập đến một đơn hoặc một đăng ký và sự chuyển giao chỉ liên quan đến một số hàng hoá và/hoặc dịch vụ được liệt kê trong đơn hoặc đăng ký đó và nêu các hàng hoá và/hoặc dịch vụ liên quan đến sự chuyển giao:
- 3.3 Đánh dấu vào ô này nếu mục 2 đề cập đến nhiều đơn hoặc đăng ký và nếu đối với ít nhất một trong số đó sự chuyển giao chỉ liên quan đến một số trong các hàng hoá và/hoặc dịch vụ được liệt kê. Trong trường hợp này, khai vào một tờ bổ sung riêng biệt từng đơn và/hoặc đăng ký, nêu rõ sự chuyển giao liên quan đến tất cả các hàng hoá và/hoặc dịch vụ hay chỉ một số trong số đó. Đối với bất kỳ đơn hoặc đăng ký nào mà sự chuyển giao chỉ liên quan đến một số hàng hoá và/hoặc dịch vụ thì khai theo cách đã nêu ở mục 3.2.
-

4. Người chuyển giao

4.1 Nếu người chuyển giao là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính của người đó:*

(b) tên gọi hoặc tên phụ của người đó:*

4.2 Nếu người chuyển giao là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

4.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại:
(bao gồm cả mã vùng)

Số fax:
(bao gồm cả mã vùng)

4.4 Đánh dấu vào ô này nếu có nhiều người chuyển giao; trong trường hợp đó, liệt kê danh sách những người này vào một tờ bổ sung và khai các thông tin đề cập đến tại các mục 4.1 hoặc 4.2 và 4.3 đối với từng người.

5. Người nhận chuyển giao

5.1 Nếu người nhận chuyển giao là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính của người đó:*

(b) tên gọi hoặc tên phụ của người đó:*

5.2 Nếu người nhận chuyển giao là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

5.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại:
(bao gồm cả mã vùng)

Số fax:
(bao gồm cả mã vùng)

5.4 Đánh dấu vào ô này nếu có nhiều người nhận chuyển giao; trong trường hợp đó, liệt kê danh sách những người này vào một tờ bổ sung và khai các thông tin đề cập đến tại các mục 5.1 hoặc 5.2 và 5.3 đối với từng người.

6. Chữ ký hoặc con dấu

6.1 Chữ ký và con dấu của người chuyển giao

6.1.1 Tên của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng:

6.1.2 Ngày ký tên hoặc đóng dấu:

6.1.3 Chữ ký hoặc đóng dấu:

6.2 Chữ ký và con dấu của người nhận chuyển giao

6.2.1 Tên của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng:

6.2.2 Ngày ký tên hoặc đóng dấu:

6.2.3 Chữ ký hoặc đóng dấu:

7. Các tờ bổ sung và/hoặc tài liệu kèm theo

Đánh dấu vào ô này nếu có các tờ bổ sung và/hoặc tài liệu kèm theo được nộp cùng và ghi tổng số tờ bổ sung và/hoặc tài liệu đó:

Mẫu đơn quốc tế số 6

Văn bản chuyển giao

đối với đăng ký và/hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu

nộp cho Cơ quan của

Phận định riêng cho Cơ quan

1. Tuyên bố chuyển giao

(Những) người chuyển giao ký dưới đây chuyển giao cho (những) người nhận chuyển giao ký dưới đây quyền sở hữu đối với đăng ký và/hoặc đơn nêu dưới đây.

2. Đăng ký và/hoặc đơn liên quan

Văn bản này liên quan đến việc chuyển giao (các) đăng ký và/hoặc đơn sau:

2.1 Số đăng ký:

2.2 Số đơn:*

2.3 Nếu phần 2.1 hoặc 2.2 không đủ chỗ, thì đánh dấu vào ô này và khai vào tờ bổ sung.

3. Hàng hoá và/hoặc Dịch vụ liên quan đến sự chuyển giao

3.1 Đánh dấu vào ô này nếu tất cả hàng hoá và/hoặc dịch vụ được liệt kê trong đơn và/hoặc đăng ký được nêu ở mục 2 liên quan đến sự chuyển giao.

3.2 Đánh dấu vào ô này nếu mục 2 chỉ đề cập đến một đơn hoặc một đăng ký và chỉ có một số hàng hoá và/hoặc dịch vụ liệt kê trong đơn hoặc

đăng ký đó liên quan đến sự chuyển giao và nêu các hàng hoá và/hoặc dịch vụ liên quan đến sự chuyển giao:

- 3.3 Đánh dấu vào ô này nếu mục 2 đề cập đến nhiều đơn hoặc đăng ký và nếu đối với ít nhất một trong số đó việc chuyển giao chỉ liên quan đến một số trong các hàng hoá và/hoặc dịch vụ được liệt kê. Trong trường hợp này, khai vào một tờ bổ sung, riêng biệt từng đơn và/hoặc đăng ký, nêu rõ việc chuyển giao liên quan đến tất cả các hàng hoá và/hoặc dịch vụ hay chỉ một số trong số đó. Đối với bất kỳ đơn hoặc đăng ký nào mà sự chuyển giao chỉ liên quan đến một số hàng hoá và/hoặc dịch vụ thì khai theo cách đã nêu ở mục 3.2.
-

4. Người chuyển giao

4.1 Nếu người chuyển giao là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính của người đó:*

(b) tên gọi hoặc tên phụ của người đó:*

4.2 Nếu người chuyển giao là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

4.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại: Số fax:
(bao gồm cả mã vùng) (bao gồm cả mã vùng)

4.4 Đánh dấu vào ô này nếu có nhiều người chuyển giao; trong trường hợp đó, liệt kê danh sách những người này vào một tờ bổ sung và khai các thông tin đề cập tại các mục 4.1 hoặc 4.2 và 4.3 đối với từng người.

5. Người nhận chuyển giao

5.1 Nếu người nhận chuyển giao là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính của người đó:*

(b) tên gọi hoặc tên phụ của người đó:*

5.2 Nếu người nhận chuyển giao là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

5.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại: Số fax:
(bao gồm cả mã vùng) (bao gồm cả mã vùng)

5.4 Đánh dấu vào ô này nếu có nhiều người nhận chuyển giao; trong trường hợp đó, liệt kê danh sách những người này vào một tờ bổ sung và khai các thông tin đề cập tại các mục 5.1 hoặc 5.2 và 5.3 đối với từng người.

6. Các thông tin bổ sung (xem Phụ lục của Mẫu đơn này (đính kèm theo))

(việc cung cấp bất kỳ thông tin nào trong số này là không bắt buộc đối với mục đích ghi nhận sự thay đổi về quyền sở hữu)

Đánh dấu vào ô này nếu sử dụng Phụ lục.

7. Chữ ký hoặc con dấu

7.1 Chữ ký và con dấu của người chuyển giao

7.1.1 Tên của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng:

7.1.2 Ngày ký tên hoặc đóng dấu:

7.1.3 Chữ ký hoặc đóng dấu:

7.2 Chữ ký và con dấu của người nhận chuyển giao

7.2.1 Tên của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng:

7.2.2 Ngày ký tên hoặc đóng dấu:

7.2.3 Chữ ký hoặc đóng dấu:

8. Các tờ bổ sung, tài liệu và Phụ lục kèm theo

Đánh dấu vào ô này nếu có các tờ bổ sung và/hoặc tài liệu kèm theo và ghi tổng số tờ bổ sung và/hoặc tài liệu đó:

Đánh dấu vào ô này nếu Phụ lục được nộp kèm theo và ghi tổng số trang của Phụ lục đó và tổng số tờ bổ sung của Phụ lục đó:

Phụ lục của Mẫu đơn quốc tế số 6

Các thông tin bổ sung liên quan đến Văn bản chuyển giao (mục 6)

A. Chuyển giao Uy tín hoặc Cơ sở kinh doanh

(a) Đánh dấu vào ô này nếu việc chuyển giao được thực hiện cùng uy tín hoặc cơ sở kinh doanh tương ứng với tất cả hàng hoá và/hoặc dịch vụ liệt kê trong đơn và/hoặc đăng ký nêu ở mục 2 của văn bản chuyển giao.

(b) Đánh dấu vào ô này nếu mục 2 của văn bản chuyển giao chỉ đề cập đến một đơn hoặc một đăng ký và việc chuyển giao được thực hiện cùng uy tín hoặc cơ sở kinh doanh tương ứng với một số hàng hoá và/hoặc dịch vụ được liệt kê trong đơn hoặc đăng ký và nêu những nhãn hiệu và/hoặc dịch vụ nào sự chuyển giao được thực hiện cùng uy tín hoặc cơ sở kinh doanh:

(c) Đánh dấu vào ô này nếu mục 2 văn bản chuyển giao đề cập đến nhiều đơn hoặc đăng ký và nếu đối với ít nhất một trong số đó việc chuyển giao cùng uy tín và cơ sở kinh doanh liên quan đến một số trong các hàng hoá và/hoặc dịch vụ được liệt kê. Trong trường hợp này, khai vào một tờ bổ sung, riêng biệt từng đơn và/hoặc đăng ký nêu rõ việc chuyển giao uy tín hoặc cơ sở kinh doanh liên quan đến tất cả các hàng hoá và/hoặc dịch vụ hay chỉ một số trong số đó. Đối với bất kỳ đơn hoặc đăng ký nào mà chỉ có một số hàng hoá và/hoặc dịch vụ bị chuyển giao uy tín và cơ sở sản xuất thì khai theo cách đã nêu ở mục (b).

B. Chuyển giao các Quyền phát sinh trên cơ sở sử dụng

Các quyền phát sinh trên cơ sở sử dụng nhãn hiệu được chuyển giao đối với

(a) tất cả đăng ký và/hoặc đơn

(b) một số đăng ký và/hoặc đơn sau:

C. Chuyển giao Quyền khiếu kiện

Người nhận chuyển giao có quyền khiếu kiện các vi phạm đã xảy ra từ trước

D. Giá chuyển giao

(a) Việc chuyển giao được thực hiện trên cơ sở thanh toán bằng tiền.

(b) Việc chuyển giao được thực hiện trên cơ sở thanh toán bằng tiền, hàng hoá hoặc các vật thanh toán giá chuyển giao khác.

(c) Người chuyển giao xác nhận việc đã nhận được thanh toán giá chuyển giao nêu trên.

E. Ngày có hiệu lực của Việc chuyển giao

(a) Việc chuyển giao này có hiệu lực từ ngày ký Văn bản chuyển giao này.

(b) Việc chuyển giao có hiệu lực từ ngày:

Mẫu đơn quốc tế số 7

Đơn yêu cầu sửa chữa lỗi
trong đăng ký và/hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu
nộp cho Cơ quan của

Phận định riêng cho Cơ quan

Số hiệu nhận biết của chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn:*

Số hiệu nhận biết của đại diện:*
.....

1. Yêu cầu
sửa chữa

Đơn này yêu cầu sửa chữa các lỗi nêu trong Đơn này.

2. Đăng ký và/hoặc đơn liên quan

Đơn yêu cầu này liên quan đến (các) đăng ký và/hoặc đơn sau:

2.1 Số đăng ký:

2.2 Số đơn:**

2.5 Nếu phần 2.1 hoặc 2.2 không đủ chỗ, thì đánh dấu vào ô này và cung cấp các thông tin vào một tờ bổ sung.

3. Chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn

3.1 Nếu chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính của người đó:*

(b) tên gọi hoặc tên phụ của người đó:*

3.2 Nếu chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

3.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại: Số fax:
(bao gồm cả mã vùng) (bao gồm cả mã vùng)

3.4 Đánh dấu vào ô này nếu có nhiều chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn; trong trường hợp đó, liệt kê danh sách những người này vào một tờ bổ sung và ghi các thông tin đề cập tại các mục 3.1 hoặc 3.2 và 3.3 đối với từng người.

4. Đại diện

4.1 Tên:

4.2 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước)

Số điện thoại: Số fax:
(bao gồm cả mã vùng) (bao gồm cả mã vùng)

4.3 Số hiệu của giấy uỷ quyền:**

5. Địa chỉ giao dịch

6. Nêu các lỗi và cách sửa chữa

6.1 Các thông tin bị lỗi:

Các thông tin được sửa:

6.2 Đánh dấu vào ô này nếu khoảng trống ở trên không đủ; trong trường hợp đó, khai vào một tờ bổ sung các thông tin bị lỗi và các thông tin được sửa chữa.

7. Chữ ký hoặc con dấu

7.1 Tên của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng:

7.2 Đánh dấu vào ô thích hợp mà chữ ký hoặc con dấu được sử dụng nhân danh

7.2.1 chủ thể quyền và/hoặc người nộp đơn

7.2.2 đại diện.

7.3 Ngày ký tên hoặc đóng dấu:

7.4 Chữ ký hoặc đóng dấu:

8. Lệ phí

8.1 Loại tiền tệ và tổng số lệ phí phải nộp liên quan đến Đơn yêu cầu sửa chữa lỗi này:

8.2 Phương thức thanh toán:

9. Các tờ bổ sung và/hoặc tài liệu kèm theo

Đánh dấu vào ô này nếu các tờ bổ sung và/hoặc tài liệu kèm theo và ghi tổng số tờ bổ sung và/hoặc tài liệu đó:

Mẫu đơn quốc tế số 8

Đơn yêu cầu gia hạn đăng ký
nộp cho Cơ quan của

Phận định riêng cho Cơ quan

*Số hiệu nhận biết của chủ thể quyền:**

.....

*Số hiệu nhận biết của đại diện:**

.....

1. Yêu cầu gia hạn

Đơn này yêu cầu gia hạn đăng ký nêu trong Đơn.

2. Đăng ký liên quan

2.1 Số đăng ký:

2.2 Ngày nộp đơn tương ứng với đăng ký đó:

Ngày đăng bạ:

3. Chủ thể quyền

3.1 Nếu chủ thể quyền là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính của người đó:*

(b) tên gọi hoặc tên phụ của người đó:*

3.2 Nếu chủ thể quyền là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

3.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại: Số fax:
(bao gồm cả mã vùng) (bao gồm cả mã vùng)

3.4 Đánh dấu vào ô này nếu có nhiều chủ thể quyền; trong trường hợp đó, liệt kê danh sách những người này vào một tờ bổ sung và khai các thông tin đề cập tại các mục 3.1 hoặc 3.2 và 3.3 đối với từng người.

4. Đại diện của chủ thể quyền

4.1 Tên:

4.2 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước)

Số điện thoại: Số fax:
(bao gồm cả mã vùng) (bao gồm cả mã vùng)

4.3 Số hiệu của giấy uỷ quyền:*

5. Địa chỉ giao dịch của chủ thể quyền

6. Hàng hoá và/hoặc dịch vụ*

6.1 Yêu cầu gia hạn đối với tất cả các hàng hoá và/hoặc dịch vụ ghi trong đăng ký.

6.2 Yêu cầu gia hạn đối với một số hàng hoá và/hoặc dịch vụ sau ghi trong đăng ký:**

6.3 Yêu cầu gia hạn đối với tất cả các hàng hoá và/hoặc dịch vụ ghi trong đăng ký trừ:***

6.4 Điền vào ô này nếu các phần trống ở trên không đủ và sử dụng một tờ bổ sung.

7. Người nộp đơn yêu cầu gia hạn không phải là chủ thể quyền hoặc đại diện của chủ thể quyền

Chú ý: Một người không phải là chủ thể quyền hoặc đại diện của chủ thể quyền có thể nộp đơn yêu cầu gia hạn chỉ khi Bên ký kết liên quan cho phép như vậy. Do vậy, mục này không thể được điền nếu Bên ký kết có Cơ quan được ghi ở trang đầu tiên của đơn yêu cầu gia hạn này không cho phép người đó nộp Đơn yêu cầu gia hạn.

Đánh dấu vào ô này nếu người nộp đơn yêu cầu gia hạn này không phải là chủ thể quyền hoặc đại diện của chủ thể quyền.

7.1 Nếu người đó là một cá nhân,

(a) họ hoặc tên chính của người đó:

(b) tên gọi hoặc tên phụ của người đó:

7.2 Nếu người đó là một pháp nhân, nêu tên đầy đủ của pháp nhân đó:

7.3 Địa chỉ (bao gồm cả mã bưu điện và tên nước):

Số điện thoại:
(bao gồm cả mã vùng)

Số fax:
(bao gồm cả mã vùng)

8. Chữ ký hoặc con dấu

8.1 Tên của cá nhân ký tên hoặc có con dấu được sử dụng:

8.2 Đánh dấu vào ô thích hợp mà chữ ký hoặc con dấu được sử dụng nhân danh

8.2.1 chủ thể quyền

8.2.2 đại diện của chủ thể quyền.

8.2.3 người được đề cập trong mục 7.

8.3 Ngày ký tên hoặc đóng dấu:

8.4 Chữ ký hoặc đóng dấu:

9. Lệ phí

9.1 Loại tiền tệ và tổng số lệ phí phải nộp liên quan đến đơn yêu cầu gia hạn này:

9.2 Phương thức thanh toán:

10. Các tờ bổ sung

Đánh dấu vào ô này nếu có các tờ bổ sung và ghi tổng số tờ bổ sung:
